KINH KIM CANG và KINH BÁT NHÃ

Giải nghĩa

KINH KIM CANG VÀ KINH BÁT NHÃ *Giải nghĩa*

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.
Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

THÍCH THẮNG GIẢI

KINH KIM CANG
và
KINH BÁT NHÃ

Giải nghĩa

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
THAHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

MỤC LỤC

Lời thưa *9*

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA 11

1. Giải thích tên Kinh 12
2. Nhân duyên pháp hội 14
3. Thưa hỏi và trả lời 16
4. Giáo lý xuyên suốt 18
5. Hạnh vô tướng 28
6. Thấy đúng như lý 31
7. Lòng tin chân thật hiếm có 37
8. Không chứng đắc và không thuyết pháp 43
9. Phước đức hữu lậu và phước đức vô lậu 46
10. Các Thánh quả Thanh Văn 49
11. Trang nghiêm tịnh độ 53
12. Bố thí vô lậu 56

13. Cúng dường chánh pháp 58
14. Bát-nhã lìa tên gọi và ý niệm 60
15. Trí tuệ và đức tin chân thật 66
16. Công đức thọ trì kinh 80
17. Có khả năng làm sạch nghiệp chướng 85
18. Trí tuệ vô lậu đối với hạnh Bồ-tát 91
19. Trí Tuệ Như Lai 102
20. Phước đức vô lậu 106
21. Pháp thân vô tướng 108
22. Pháp và hạnh thuyết pháp của Đức Phật 110
23. Quả và pháp vô tướng 113
24. Thực tập pháp vô lậu 115
25. Phước hữu lậu và phước vô lậu 117
26. Hoá độ vô trú 119
27. Pháp thân vô tướng 122
28. Không chấp lý mà phải tu tất cả các thiện pháp 124

29. Phước hữu lậu và công đức vô trú 126
30. Pháp thân vô trú 128
31. Lý sự vô ngại 129
32. Tri kiến không sinh 133
33. Trí tuệ vô lậu 136

BÁT NHÃ TÂM KINH 139
1. Khái quát về Bát Nhã Tâm Kinh 140
2. Giải thích ý nghĩa nhan đề tâm kinh 147
3. Giải thích nội dung văn kinh 152

LỜI THƯA

Khi nghiên cứu các bản chú giải kinh *Kim Cang* như: kinh *Kim Cương Gươm Báu Cắt Đứt Phiền Não* do Sư Ông Làng Mai *Việt dịch* và chú giải, kinh *Kim Cang* do Hòa Thượng Thích Thanh Từ giảng giải, kinh *Kim Cang* do Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng, kinh *Kim Cang* do Hòa Thượng Thích Thái Hòa *Việt dịch* và chú giải, *Tư Tưởng Kinh Kim Cương và Bát Nhã* do Hòa Thượng Thích Chơn Thiện *Việt dịch*, kinh *Kim Cương Giảng Lục* do Thượng Tọa Thích Thông Phương *Việt dịch* và giải nghĩa, kinh *Kim Cang* do Thượng Tọa Thích Nhuận Châu *Việt dịch*, kinh *Kim Cang Giải Nghĩa* của Lục Tổ do Nguyên Hiển *Việt dịch*. Trong các bản chú giải ấy, người viết đã y vào bản *Kim Cang Giải Nghĩa* của Lục Tổ do Nguyên Hiển *Việt dịch* (bản này chưa rõ do Lục Tổ, hay Ngài Thần Hội, hay đệ tử của Ngài,…) để nghiên cứu học tập trải qua nhiều năm rồi sau đó mới viết bản giải nghĩa này.

Người viết coi bản giải nghĩa này như một món quà để dành tặng cho các bạn đồng tu, các học trò cũng như những bậc hữu duyên gần xa.

Với tất cả lòng thành,

Mùa Phật Đản 2021

Tỳ-kheo ***Thích Thắng Giải***

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

GIẢI NGHĨA

(Bản Việt dịch này chủ yếu sử dụng bản Việt dịch của Hòa Thượng Thích Thái Hòa và bản Việt dịch của Nguyên Hiển)

1

GIẢI THÍCH TÊN KINH

Kim Cương (Kim Cang) là một chất rất cứng và sắc bén, có thể phá nát được các vật khác nhưng các vật khác không thể nào phá hoại được nó.

Trí gồm trí hữu lậu và trí vô lậu. Bát-nhã là trí vô lậu.

Ba La Mật Đa gồm có bốn nghĩa:

Đáo bỉ ngạn: Nghĩa là đến bờ kia. Bờ bên này dụ cho sinh tử; bờ bên kia là chỉ cho Niết-bàn.

Viễn ly: Do an trú trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn tướng hư vọng của năm thủ uẩn nên đạt Niết-bàn.

Độ vô cực: Do an trú trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn năm thủ uẩn nên đạt Niết-bàn.

Cứu cánh: Do an trú trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được thật tướng của Bát-nhã hay Niết-bàn.

Vì vậy, ý nghĩa nhan đề Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là bản kinh mô tả trí vô lậu hoặc tâm vô lậu vốn sẵn có nơi mỗi chúng sinh hữu tình. Chính trí này mới đoạn tận khổ đế - tập đế nên được ví như kim cương.

2

NHÂN DUYÊN PHÁP HỘI

Chánh văn

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Thế Tôn ở nước Xá Vệ, trong vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc và rừng cây của thái tử Kỳ Đà, cùng có mặt với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại tỳ kheo.

Giải nghĩa

Ngài A-nan đã nghe kinh này từ Đức Thế Tôn ở nước Xá Vệ, trong vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc và rừng cây của thái tử Kỳ Đà, đại chúng có mặt lúc đó gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Chánh văn

Bấy giờ đến giờ khất thực, Đức Thế Tôn choàng y, ôm bình bát đi vào thành Xá Vệ khất thực. Ở trong thành ấy, Ngài tuần tự khất thực xong, liền trở về lại trú xứ. Thọ trai xong, Ngài dọn dẹp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

3

THƯA HỎI VÀ TRẢ LỜI

Chánh văn

Lúc ấy ở trong đại chúng, trưởng lão Tu Bồ Đề, từ chỗ ngồi đứng dậy, vắt vạt y để lộ vai phải, đầu gối bên phải quỳ xuống chấm đất, hai tay chắp lại cung kính mà thưa với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc hiếm có, Như Lai hộ niệm đặc biệt cho các vị Bồ-tát, giao phó đặc biệt cho các vị Bồ-tát".

Giải nghĩa

Hộ niệm, giao phó cho các vị Bồ-tát có nghĩa là Đức Phật dạy các vị Bồ-tát phải an trú trong Bát Nhã Ba La Mật (trí vô lậu) để tu tập và giáo hóa cho tất cả chúng sinh cũng lãnh hội được trí vô lậu.

Chánh văn

Bạch Đức Thế Tôn, nếu có người thiện nam và thiện nữ nào muốn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì làm sao có thể an trụ? Làm sao hàng phục được tâm mình?

Giải nghĩa

Những thiện nam, thiện nữ nào có niềm tin nơi Tam Bảo, rồi phát tâm tu tập để đạt các thánh quả giải thoát cho đến thành Phật thì họ làm thế nào để an trụ trong tâm vô lậu? Và làm thế nào hàng phục, đoạn trừ được tâm hữu lậu (năm thủ uẩn)?

Chánh văn

Phật nói: Hay lắm Tu Bồ Đề! Thật đúng như lời Thầy nói, Như Lai đã hộ niệm đặc biệt cho các vị Bồ-tát, đã giao phó đặc biệt cho các vị Bồ-tát.

Giải nghĩa

Đức Thế Tôn khen ngợi ngài Tu Bồ Đề đã hiểu được ý của Phật.

4

GIÁO LÝ XUYÊN SUỐT

Chánh văn

Nay Thầy hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì Thầy mà nói: Thiện nam hay thiện nữ nào phát khởi tâm Vô Thượng Bồ Đề thì họ an trú tâm và hàng phục tâm như thế này.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy đại chúng phải nhất tâm lắng nghe: Nếu thiện nam hay thiện nữ nào có tín tâm sâu xa đối với Tam Bảo, rồi phát tâm tu tập mong thành tựu các thánh quả cho đến quả vị Phật thì họ cần phải an trú trong tâm vô lậu để hàng phục, đoạn trừ tâm hữu lậu (sự tập khởi năm thủ uẩn).

Chánh văn

Kính bạch Đức Thế Tôn! Chúng con ước muốn được nghe Ngài dạy.

Giải nghĩa

Đại chúng đều khao khát muốn được nghe Đức Phật chỉ dạy.

Chánh văn

Đức Phật dạy Tu Bồ Đề rằng:

Các Bồ-tát đại sĩ, thì phải hàng phục tâm mình như thế này: "Có tất cả bao nhiêu chúng sanh, nào sinh ra từ trứng, hoặc sinh ra từ thai, hoặc sinh ra từ ẩm thấp, hoặc sinh ra từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, ta đều khiến nhập Niết-bàn vô dư, mà diệt độ chúng. Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như vậy đó mà thực không thấy có chúng sinh nào được diệt độ".

Giải nghĩa

Theo kinh *Thủ Lăng Nghiêm* giải thích 12 loại chúng sinh:

1. ***Noãn sinh (Loài sinh bằng trứng)***

   A-nan, nhân trong thế giới có "hư vọng" luân hồi, điên đảo về động, nên hòa hợp với khí thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tưởng bay lặn, vì vậy nên có mầm trứng (yết-la-lam) trôi lăn trong cõi nước, các loài cá, chim, rùa, rắn đầy dẫy.

2. ***Thai sinh (Loài sinh bằng thai)***

   Nhân trong thế giới "tạp nhiễm" luân hồi, điên đảo về dục, nên hòa hợp với tư thành tám muôn bốn ngàn loạn tưởng đi ngang đi thẳng. Vì vậy, nên có bào thai (yết-bồ-đàm) xoay lăn trong cõi nước, các loài người, súc, rồng, tiên đầy dẫy.

3. ***Thấp sinh (Loài sinh nơi ẩm ướt)***

   Nhân trong thế giới "chấp trước" luân hồi, điên đảo về đến, nên hòa hợp với noãn (hơi ấm) thành ra tám muôn bốn ngàn (84.000) loạn tưởng nghiêng ngửa. Vì vậy, nên có tế-thi thấp

sinh trôi lăn trong cõi nước, các loài lúc nhúc quậy động đầy dẫy.

4. ***Hóa sinh (loài hóa sinh)***

   Nhân trong thế giới "biến dịch" luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tưởng mới cũ. Vì vậy, nên có tướng yết-nam hóa sinh trôi lăn trong cõi nước, các loài lột xác bay đi đầy dẫy.

5. ***Có sắc (Loài có hình sắc)***

   Nhân trong thế giới "lưu ngại" luân hồi, điên đảo về chướng, nên hòa hợp với trước thành tám muôn bốn ngàn loạn tưởng tinh diệu, vì vậy, nên có yết-nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước, các loài hưu cữu, tinh minh đầy dẫy.

6. ***Không sắc (Loài không có hình sắc)***

   Nhân trong thế giới "tiêu tán" luân hồi, điên đảo về hoặc, nên hòa hợp với ám thành tám muôn bốn ngàn loạn tưởng thầm ẩn, vì thế, nên có yết-nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước, các loài không tán, tiêu, trầm đầy dẫy.

7. Có tưởng (Loài có tưởng)

Nhân trong thế giới "võng trượng" luân hồi, điên đảo về ảnh, nên hòa hợp với ức thành tám muôn bốn ngàn loạn tưởng tiềm kết, vì thế có yết-nam hữu tưởng trôi lăn trong cõi nước, các loài thần quỷ, tinh linh đầy dẫy.

8. Không tưởng (Loài không có tưởng)

Nhân trong thế giới "ngu độn" luân hồi, điên đảo về si, nên hòa hợp với ngoan thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tưởng khô cảo, vì thế có yết-nam vô tưởng trôi lăn trong cõi nước, các loài tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá đầy dẫy.

9. Chẳng phải có sắc

Nhân trong thế giới "tương đối" luân hồi, điên đảo về ngụy, nên hòa hợp với nhiễm thành tám muôn bốn ngàn loạn tưởng nhân y, vì thế có yết-nam chẳng phải có sắc tướng mà có sắc, trôi lăn trong cõi nước, các loài thủy mẫu (sứa) v.v… lấy con tôm làm mắt đầy dẫy.

10. Chẳng phải không sắc

Nhân trong thế giới "tương dẫn" luân hồi, điên đảo về tính, nên hòa hợp với chú mà thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tưởng hô triệu, vì vậy thành có yết-nam, chẳng phải không sắc tướng mà không sắc trôi lăn trong cõi nước, chú trớ, yểm sinh các loài đầy dẫy.

11. Chẳng phải có tưởng

Nhân trong thế giới "hợp vọng" luân hồi, điên đảo về vọng, nên hòa hợp với dị mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tưởng hồi hỗ. Vì vậy có yết-nam, chẳng phải có tướng tưởng mà thành tưởng trôi lăn trong cõi nước, những giống tò vò mượn chất khác thành cái thân của mình đầy dẫy.

12. Chẳng phải không tưởng

Nhân trong thế giới có "oán hại" luân hồi, điên đảo về sát, nên hòa hợp với quái thành tám muôn bốn ngàn tư tưởng ăn thịt cha mẹ, vì vậy có yết-nam không phải tướng tưởng mà không tưởng, trôi lăn trong cõi nước, như chim thổ cưu

ấp khối đất làm con và chim phá kính ấp trái cây độc làm con, con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loại ấy đầy dẫy.

Theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả thì phải hàng thánh giả Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) mới đạt được Niết-bàn. Y cứ vào lộ trình tu chứng của các bậc thánh giả Vô học của ba thừa như vậy thì chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của đoạn văn kinh trên đó là: Đức Phật dạy các vị Bồ-tát lớn cần an trú trong Bát-nhã Ba La Mật (trí vô lậu) tu tập điều phục, đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (chúng sinh tâm) để đạt được Niết-bàn. Bởi Bồ-tát đã sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm được đoạn và được chứng (không ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng).

Lại nữa, Bồ-tát an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) để giáo hóa chúng sinh bằng vô số các phương tiện như tài thí, pháp thí nên không sinh khởi khái

niệm thực hành các hạnh bố thí. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn an trú trong Bát Nhã Ba La Mật.

Chánh văn

Vì sao? Này Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ-tát mà còn có khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả thì vị ấy không phải là một vị Bồ-tát đích thực.

Giải nghĩa

Ngã tướng (tưởng): những khái niệm sai lầm về một tự ngã, sản phẩm của sự tưởng tượng, vốn có gốc rễ từ vô minh.

Nhân tướng (tưởng): khái niệm hay ý tưởng về con người. Bởi con người không phải chỉ được tạo nên từ những yếu tố vật chất mà còn tạo nên bởi những yếu tố phi vật chất.

Chúng sinh tướng (tưởng): khái niệm hay ý tưởng về chúng sinh, chúng sinh là chỉ cho hết thảy chúng sinh đang lưu chuyển trong sinh tử, bao gồm những bậc thánh chưa đoạn tận hết những khổ đau.

Thọ giả tướng (tưởng): thọ giả tưởng hay mạng giả tưởng là có ý tưởng hay khái niệm về thọ mạng của con người hay của chúng sinh bắt đầu có mặt từ khi mới sinh ra và tồn tại cho đến khi chết. Cho rằng, sự tồn tại của sinh mệnh chỉ trong khoảng thời gian ấy gọi là thọ mạng tưởng hay thọ giả tưởng.

Khái niệm rằng sinh mệnh không tồn tại sau khi chết hoặc sinh mệnh sẽ bất tử sau khi chết, sinh mạng của loài người sau khi chết sẽ vẫn tái sinh làm người, sinh mạng của các loài vật vẫn tái sinh làm loài vật, đó gọi là khái niệm mạng giả tưởng.

(Phần lược giải bốn tướng này được trích từ Kinh *Kim Cang* theo chú giải của Hòa Thượng Thích Thái Hòa)

Trong 51 địa vị Bồ-tát và cho đến địa vị Phật (Diệu Giác) thì bậc Bồ-tát Sơ địa nhờ lãnh hội được tâm vô lậu nên đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thuộc chấp ngã phân biệt. Hàng Bồ-tát từ Sơ địa cho đến địa vị thứ bảy vẫn chưa đoạn trừ được bốn tướng

thuộc về chấp ngã câu sinh mà phải đạt đến địa vị thứ tám (Bồ-tát Bát địa) mới đoạn trừ được hoàn toàn bốn tướng thuộc về chấp ngã câu sinh này. Cho nên, Đức Phật dạy: "*Nếu Bồ-tát còn có ý tưởng về ngã, về nhân, về chúng sanh và về thọ giả thì vị ấy không phải là Bồ-tát*". Nghĩa là, nếu các vị Bồ-tát chưa kiến đạo thì hãy phát tâm tu tập để kiến đạo. Còn nếu những vị Bồ-tát đã kiến đạo rồi thì hãy tiếp tục nỗ lực tu tập để đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thuộc chấp ngã câu sinh nhằm đạt được quả vị Vô học cho đến quả vị Phật.

5

HẠNH VÔ TƯỚNG

Chánh văn

"Lại nữa Tu Bồ Đề! Bồ-tát phải làm bố thí nhưng không trụ ở nơi bất cứ một chỗ nào. Nghĩa là không trụ ở sắc mà bố thí, không trụ ở thanh, hương, vị, xúc và pháp mà bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ-tát phải không trụ tướng mà bố thí như vậy".

Giải nghĩa

Trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là sống với trí hữu lậu. Còn không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là an trú trong trí vô lậu. Vì vậy Đức Phật dạy: "*Bồ-tát phải làm bố thí nhưng không trụ ở nơi bất cứ một chỗ nào*". Nghĩa là, các vị Bồ-tát do sống trong trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập cũng như thực hành các hạnh bố thí như tài thí, pháp thí nên không trụ nơi sắc, thanh, hương,

vị, xúc và pháp. Đây chính là các vị Bồ-tát sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Bởi vì Bồ-tát sống trong trí vô lậu để tu tập và giáo hóa chúng sinh nên trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái biết chỉ là cái nhận biết.

Chánh văn

"Vì sao? Nếu Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng thì phước đức ấy sẽ không thể nghĩ bàn.

Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hư không thuộc về phương Đông có thể nghĩ lường được chăng? Bạch Thế Tôn! Không.

Tu Bồ Đề! Hư không thuộc về phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương trên dưới có thể lường được chăng? Bạch Thế Tôn! Không.

Tu Bồ Đề! Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng thì phước đức cũng nhiều như vậy, không thể lường được.

Tu Bồ Đề! Bồ-tát an trú tâm đúng như những điều vừa chỉ dạy".

Giải nghĩa

Bồ-tát an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập cũng như bố thí về tài thí, pháp thí thì phước đức rộng lớn như hư không không thể nghĩ lường được. Vì sao có phước đức lớn? Bởi Bồ-tát an trú trong trí vô lậu để hành các pháp bố thí. Đây là ý nghĩa mà Đức Phật đã dạy cho các vị Bồ-tát cần phải khéo an trú trong trí vô lậu để tu tập cũng như giáo hóa chúng sinh.

6

THẤY ĐÚNG NHƯ LÝ

Chánh văn

"Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn thấy Như Lai qua thân tướng không?

Bạch Thế Tôn! Không. Không thể thấy Như Lai bằng thân tướng.

Bởi vì sao? Vì Như Lai đã dạy, thân tướng tức chẳng phải thân tướng".

Giải nghĩa

Sắc thân (báo thân) không phải là thân chân thật của Như Lai. Chính Pháp thân mới là thân chân thật của Như Lai.

Chánh văn

Phật bảo Tu Bồ Đề: Tất cả những gì có tướng đều hư dối.

Giải nghĩa

Tất cả các pháp hữu vi (do bốn đại tạo thành) và pháp hữu vi – hữu lậu (sự tập khởi năm thủ uẩn) là pháp duyên sinh nên vô thường, thay đổi và tàn hoại.

Chánh văn

Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai.

Giải nghĩa

Chúng ta an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập nên trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Đây chính là cái thấy Như Lai của chính mình.

Chúng ta vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trí hữu lậu gồm trí hữu lậu bất thiện và trí hữu lậu thiện. Trong đó, trí hữu lậu bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Còn trí hữu lậu thiện chính là chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu. Bởi vì, trí hữu lậu là trí duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Vì thế, khi chúng ta an trụ trong trí hữu lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận thức pháp trần thì có tướng (có khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức. Tướng ở đây chính là tướng của trí hữu lậu (tướng của vọng niệm), chứ không phải là tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nghĩa là, chúng ta sẽ không bao giờ nhận thấy được như thật các sắc, nghe được như thật các âm thanh, ngửi được như thật các hương, nếm được như thật các vị, xúc chạm được như thật các vật và nhận biết được như thật pháp trần. Vì theo *Luận Thành Duy Thức*, khi mỗi tâm vương và tâm sở tập khởi thì chúng tạo thành ba phần hoặc bốn phần. Ba phần là kiến phần, tướng phần và tự chứng phần. Bốn phần là kiến phần, tướng phần, tự chứng phần và chứng tự

chứng phần. Từ nơi tự chứng phần sản sinh kiến phần và tướng phần. Rồi chính kiến phần vin đến tướng phần khái niệm chấp làm thực ngã và thực pháp. Vì thế, cho dù chúng ta có đang thức hay đang ngủ thì vẫn sống với kiến phần và tướng phần của các nội thức, tức sống trong mộng. Vì vậy, do chúng sinh đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Do đó, sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy phải thọ quả báo khổ đau nơi các cõi khổ. Cho nên, chúng ta cần phải sống với tâm chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vì thế, sau khi xả bỏ báo thân, chúng ta sẽ thọ quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại.

Trí vô lậu chính là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả pháp. Vì vậy, các bậc thánh giả an trụ trong trí vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các

vị, xúc chạm các vật, nhận biết như thật pháp trần nên không có tướng (không sinh khởi khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết. Vô tướng ở đây chính là vô tướng của trí vô lậu (hay vô tướng của tâm vô lậu), chứ không phải là vô tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bởi những bậc thánh giả sống với trí vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Do đó, khi hành giả lãnh hội được trí vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Tuy nhiên,

nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, các bậc thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác).

7

LÒNG TIN CHÂN THẬT HIẾM CÓ

Chánh văn

Trưởng lão Tu Bồ Đề thưa với Đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Trong tương lai, liệu có chúng sanh nào nghe pháp này mà phát sinh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu Bồ Đề, Thầy đừng nói thế! Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, năm trăm năm sau, sẽ có những người trì giới, tu phước, thì đối với pháp này có thể phát sinh lòng tin và cho đây là chân thật. Thầy phải biết rằng những người ấy đã gieo trồng căn lành không phải chỉ nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật mà chính là đã gieo trồng căn lành nơi vô số ngàn vạn Đức Phật. Những người như vậy, khi nghe được pháp này, dù chỉ trong

một niệm phát sinh được niềm tin thanh tịnh (tức hội trí vô lậu).

Giải nghĩa

Trí vô lậu vốn sẵn có nơi mỗi con người nhưng nhiều người lại không có niềm tin về sự thực này. Thế nên, ngài Tu Bồ Đề thưa với Đức Thế Tôn rằng: "Liệu có những chúng sinh nào khi nghe pháp Bát Nhã Ba La Mật mà phát sinh lòng tin chân thật chăng?" Đức Thế Tôn dạy: "Năm trăm năm sau khi Ta nhập Niết-bàn, sẽ có những người tin sâu Tam Bảo, phát tâm thực tập các học giới, làm phước, tu tuệ thì khi nghe pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa (trí vô lậu) có thể tin và lãnh hội được. Chính những người này đã gieo trồng căn lành nơi vô số ngàn muôn Đức Phật".

Trong *Luận Thành Duy Thức*, ở lộ trình thể nghiệm Duy thức tánh, các bậc tổ sư đã giải thích: Trong vô số kiếp thứ nhất, Bồ-tát phải tu tập phước và trí cho viên mãn thì mới đạt được chân kiến đạo (tức vô phân biệt trí).

Trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận* nhấn mạnh: *"Bồ-tát ấy từ chánh tín ban đầu trở đi ở trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp đầy đủ, đối với pháp chân như sự thẩm hiểu được hiện tiền và chỗ tu đều là lìa tướng".*

Thời gian một A-tăng-kỳ kiếp hành giả phải tu tập phước và trí khi đầy đủ thì mới đạt được Sơ địa (chân kiến đạo).

Chánh văn

"Tu Bồ Đề! Như Lai biết hết, thấy hết các chúng sanh ấy được vô lượng phước đức.

Vì sao? Vì những chúng sanh ấy, họ không còn có ý niệm về ngã, về nhân, về chúng sanh và về thọ giả, về pháp và cũng không còn có ý niệm về phi pháp".

Giải nghĩa

Nếu ai lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) thì sẽ được vô lượng phước đức. Vô lượng phước đức ở đây là do hành giả y vào trí này làm nhân để tu tập nên sẽ đạt được tứ thánh quả và cho đến quả

vị Phật. Do hành giả an trú trong trí vô lậu nên không sinh khởi ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, cũng như không sinh khởi ý niệm về pháp hay không phải pháp.

Chánh văn

Vì sao? Vì những người ấy, nếu tâm của họ còn có ý niệm thì họ còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng. Nếu tâm của họ còn có ý niệm về pháp thì họ vẫn còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng. Và nếu tâm của họ còn có ý niệm không phải pháp thì họ cũng bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng.

Giải nghĩa

Nếu hành giả an trú trong trí hữu lậu để tu tập cũng như giáo hóa chúng sinh thì sẽ còn sinh khởi khái niệm về bốn tướng. Bởi vì tâm còn sinh khởi khái niệm nên nó thuộc về chấp ngã câu sinh. Do đó, Đức Phật dạy: "*nếu tâm của họ còn có ý niệm thì họ còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng*".

Khi hành giả an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) thì sẽ không sinh khởi ý niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu. Nếu sinh khởi ý niệm trí vô lậu thì trở thành trí hữu lậu. Vì thế, Đức Phật dạy không nên sinh khởi ý niệm pháp hay không phải pháp.

Bởi vì các bậc Bồ-tát từ Sơ địa cho đến địa vị thứ bảy vẫn chưa đoạn trừ được ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thuộc về chấp ngã câu sinh. Cho nên, Đức Phật dạy các vị Bồ-tát phải nỗ lực tu tập đoạn trừ bốn tướng thuộc chấp ngã câu sinh ấy để thành tựu quả vị A-la-hán (Bồ-tát Bát-địa).

Chánh văn

Vì vậy không nên giữ lấy pháp mà cũng không nên giữ lấy phi pháp.

Do ý nghĩa này nên Như Lai thường nói với các vị Tỳ-kheo: "Quý vị phải biết, pháp tôi nói, ví như chiếc bè, pháp còn phải buông bỏ huống là không phải pháp".

Giải nghĩa

"Pháp" ở đây là pháp Bát Nhã Ba La Mật (trí vô lậu). Pháp Bát Nhã Ba La Mật chính là diệt đế - đạo đế vô lậu. "Phi pháp" là khổ đế - tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn). Đạo đế hữu lậu là pháp duyên sinh nên cũng chưa phải là pháp chân thật.

Trí vô lậu (đạo đế vô lậu) là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu (pháp) hay không phải trí vô lậu (phi pháp). Hoặc các bậc thánh giả an trú trong trí vô lậu tu tập (đạo đế vô lậu) đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (phi pháp) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì các Ngài sống trong Niết-bàn nên ở trong đó không sinh khởi khái niệm đạt được Niết-bàn. Đó là ý nghĩa "*pháp còn phải buông bỏ huống là không phải pháp*".

8

KHÔNG CHỨNG ĐẮC VÀ KHÔNG THUYẾT PHÁP

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có chứng đắc Vô Thượng Giác không? Có pháp nào được thuyết bởi Như Lai không?

Trưởng lão Tu Bồ Đề thưa: Đúng như con hiểu ý nghĩa của Phật dạy, thì không có một pháp nào được gọi là Vô Thượng Giác và cũng không có một pháp nào được nói bởi Như Lai.

Giải nghĩa

Đức Thế Tôn đã sống trọn vẹn trong Pháp thân vô lậu thanh tịnh, nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm đạt được Vô Thượng Giác. Ở trong Pháp thân ấy, rồi Ngài sẽ tùy theo nhân duyên của

chúng sinh mà thuyết pháp nên không sinh khởi khái niệm để thuyết.

Chánh văn

Vì sao? Vì pháp được nói bởi Như Lai, pháp ấy không thể nắm bắt, không thể diễn đạt, không thể gọi là Pháp, không thể gọi là phi pháp.

Giải nghĩa

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Bởi trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu (pháp) hay không phải trí vô lậu (phi pháp). Đó là ý nghĩa pháp mà Như Lai dạy: "*Pháp ấy không thể nắm bắt, không thể diễn đạt, không thể gọi là pháp hay phi pháp*".

Chánh văn

Vì sao? Vì tất cả Hiền Thánh đều từ nơi pháp vô vi mà có những khác biệt.

Giải nghĩa

Tất cả các bậc hiền thánh đều do lãnh hội trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập nên thành tựu các thánh quả như Sơ quả (Tu-đà-hoàn), Nhị quả (Tư-đà-hàm), Tam quả (A-na-hàm) và Tứ quả (A-la-hán). Cho nên, Đức Thế Tôn dạy: "*Tất cả Hiền Thánh đều từ nơi pháp vô vi mà có những khác biệt*".

9

PHƯỚC ĐỨC HỮU LẬU VÀ PHƯỚC ĐỨC VÔ LẬU

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ thế nào? Nếu có người đem bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí thì phước đức của người ấy có nhiều không? Trưởng lão Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức ấy là tính phi phước đức. Vì vậy Như Lai nói phước đức nhiều.

Nếu lại có người hành trì chỉ bốn câu kệ trong kinh này và giảng nói cho người khác, thì phước đức của người này còn vượt bậc hơn người kia.

Giải nghĩa

Nếu có người an trụ trong tâm hữu lậu để bố thí bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới

(tài thí) thì phước đức rất nhiều. Nhưng nếu có hành giả lãnh hội được tâm vô lậu tu tập, rồi từ đó dựa vào kinh điển của Đức Phật, cho dù chỉ dùng bài kệ bốn câu để dạy cho người khác kiến đạo (pháp thí), thì phước đức người sau lớn hơn phước đức của người trước.

Chánh văn

Tại sao như vậy Tu Bồ Đề? Vì chư Phật và Pháp Vô Thượng Giác của chư Phật đều sinh ra từ kinh này.

Giải nghĩa

Ba đời chư Phật đều do thành tựu viên mãn trí vô lậu nên thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chánh văn

"Tu-bồ-đề! Vì vậy mà nói rằng: Phật pháp tức chẳng phải là Phật pháp.

Giải nghĩa

Đức Phật dùng vô số phương tiện, ngôn ngữ văn tự để giáo hóa nhằm giúp chúng sinh lãnh hội được tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Bởi tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm tâm vô lậu hay không phải tâm vô lậu. Cho nên, tâm vô lậu mới là tâm chân thật trong Phật Pháp. Đó là ý nghĩa lời dạy *"Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp"*.

10

CÁC THÁNH QUẢ THANH VĂN

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Một vị Tu-đà-hoàn có thể nghĩ rằng: Ta đã chứng đắc quả Tu-đà-hoàn không? Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không. Vì sao? Tu-đà-hoàn có nghĩa là đi vào dòng, nhưng thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Vì không đi vào các dòng sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, nên gọi là Tu-đà-hoàn".

Giải nghĩa

Nhờ hành giả kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu nên đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ, nghi và thành tựu thánh quả Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn an trú trong chánh kiến vô lậu để tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn (tâm hữu lậu) nên không vin bám

theo sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Chính tâm vô lậu ấy không sinh khởi khái niệm có chứng, có đắc.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Một vị Tư-đà-hàm có thể nghĩ rằng: Ta đã đắc quả Tư-đà-hàm không? Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không. Vì sao? Tư-đà-hàm là một lần đi và một lần trở lại, nhưng thật ra không có đi và trở lại gì cả, nên gọi là Tư-đà-hàm".

Giải nghĩa

Bậc thánh Tư-đà-hàm đã tu tập làm giảm mỏng (muội lược) tham, sân và si câu sinh nơi sự tập khởi năm thủ uẩn nên gọi là Nhất Lai. Các Ngài vì chưa đoạn tận hoàn toàn khổ đế - tập đế nên còn phải qua lại trong sinh tử một lần - Đó là đối với sự lưu chuyển sinh tử mà nói; còn trong chánh kiến vô lậu thì không sinh khởi ý niệm có sự qua lại.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Một vị A-na-hàm có thể nghĩ rằng: Ta đã đắc quả A-na-hàm không? Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? A-na-hàm có nghĩa là không còn trở lại, nhưng thực ra không phải là không trở lại, nên gọi là A-na-hàm".

Giải nghĩa

Bậc thánh A-na-hàm đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới nên gọi là Bất Lai. Khi các Ngài xả bỏ báo thân nơi cõi người này sẽ sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên, và ở nơi đó, các Ngài tiếp tục tu tập đoạn tận khổ đế - tập đế để đắc quả A-la-hán. Sau đó, các Ngài sẽ tùy theo nguyện lực để sinh thân (ý thành thân) trong ba cõi nhằm giáo hóa chúng sinh. Cho nên, kinh nói *"không phải là không trở lại"*.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Một vị A-la-hán có thể nghĩ rằng: Ta đã đắc đạo A-la-hán không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì thực ra không có pháp nào tên là A-la-hán.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu vị A-la-hán khởi lên ý niệm rằng: Ta đã đắc quả A-la-hán, tức chính vị ấy còn mắc kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng.

Bạch Thế Tôn! Phật nói trong những người đạt được vô tránh tam muội (định vô lậu), con là số một và con cũng là vị A-la-hán ly dục số một.

Bạch Đức Thế Tôn! Con không nghĩ rằng, con là vị A-la-hán ly dục.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu con còn nghĩ rằng, con đã đắc đạo A-la-hán, thì Ngài không nói Tu Bồ Đề là người thích hạnh an tịnh; vì Tu Bồ Đề không còn khởi lên tâm hành nào, nên Như Lai gọi con là người ưa sống trong hạnh an tịnh.

Giải nghĩa

Các bậc A-la-hán do đã đoạn tận hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Các Ngài sống trong Niết-bàn nên trong ấy không sinh khởi khái niệm đạt được Niết-bàn hay A-la-hán.

11

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Chánh văn

Đức Thế Tôn bảo Tu Bồ Đề rằng: "Thầy nghĩ như thế nào? Ngày xưa Như Lai có đắc pháp gì ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng không?

Bạch Thế Tôn! Không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng, thật sự không có đắc pháp gì.

Giải nghĩa

Chính trí vô lậu (Bát-nhã) không sinh khởi ý niệm có chứng, có đắc. Ngày xưa ở nơi Phật Nhiên Đăng, Đức Thế Tôn nhờ lãnh hội được trí vô lậu để tu tập nên thành tựu quả vị Phật với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?

Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, nên gọi là trang nghiêm.

Giải nghĩa

Các vị Bồ-tát sống trong trí vô lậu tu tập và giáo hóa chúng sinh để trang nghiêm cõi Phật, nên ở trong trí ấy không sinh khởi ý niệm trang nghiêm nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Chánh văn

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Chư Bồ-tát Ma Ha Tát phải phát tâm thanh tịnh đúng như vậy. Phát tâm không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Hãy phát tâm đừng mắc kẹt bởi bất cứ cái gì.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy các vị Bồ-tát cần phải an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) tu tập cũng như giáo hóa chúng sinh để cầu quả vị Phật.

Nếu ta an trú trong trí vô lậu thì sẽ không trụ (mắc kẹt) ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Còn nếu ta sống với trí hữu lậu thì sẽ trụ (mắc kẹt) ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Ví dụ người có thân lớn như núi chúa Tu Di, Thầy nghĩ như thế nào, thân vị ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất lớn. Tại sao? Vì Đức Thế Tôn nói, không phải là thân, mới gọi là thân lớn.

Giải nghĩa

Nếu người có sắc thân to lớn như núi chúa Tu Di thì cũng chưa phải là lớn, vì có tướng nên có giới hạn. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi vì tâm này là không, vô tướng và vô tác nên mới gọi là lớn.

12

BỐ THÍ VÔ LẬU

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát và mỗi hạt cát là mỗi sông Hằng, Thầy nghĩ như thế nào, số cát của tất cả sông Hằng như vậy có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa, bạch Thế Tôn! Rất nhiều, chỉ số lượng sông Hằng đã là vô số, huống nữa là số lượng cát của chúng.

Tu Bồ Đề, ta nay nói lời chân thật với Thầy rằng: Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem bảy thứ châu báu chất đầy cả số ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như số cát những sông Hằng ấy mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Quá nhiều.

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: Nếu có thiện nam hay thiện nữ ở trong kinh này, cho đến chỉ thọ trì bài kệ bốn câu và đem diễn giảng cho người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy nếu có thiện nam hay thiện nữ nào với tâm hữu lậu để bố thí bảy thứ châu báu (tài thí) đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới như số cát sông Hằng thì phước đức rất nhiều. Nhưng nếu có thiện nam hay thiện nữ nào lãnh hội được tâm vô lậu tu tập, rồi dựa vào kinh điển của Đức Phật, cho dù chỉ dùng bài kệ bốn câu để giảng dạy cho người khác cũng nhận được tâm vô lậu (pháp thí), thì phước đức của người sau lớn hơn phước đức của người trước.

13

CÚNG DƯỜNG CHÁNH PHÁP

Chánh văn

Lại nữa, Tu Bồ Đề, nơi nào giảng thuyết kinh này, dầu chỉ bài kệ bốn câu, phải biết nơi ấy, các giới Trời, Người, A-tu-la trong thế gian, đều phải hướng đến cúng dường, y như cúng dường chùa tháp thờ Phật.

Giải nghĩa

Bất cứ nơi nào có vị hội được trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, đạt được sự rỗng lặng thanh tịnh, rồi dùng kinh điển của Đức Phật, cho dù chỉ với bài kệ bốn câu để giảng dạy cho người khác kiến đạo, thì chư Thiên, A-tu-la, loài người quý trọng cúng dường.

Chánh văn

Huống nữa là có người suốt đời thọ trì, đọc tụng. Tu Bồ Đề! Thầy nên biết rằng, người ấy thành tựu pháp hiếm có, tối thượng, bậc nhất.

Nếu nơi nào có mặt kinh điển này thì nơi đó có mặt của Phật, hoặc có mặt các bậc đệ tử tôn kính, quý trọng của Ngài.

Giải nghĩa

Bất cứ ai lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) là bậc hiếm có. Vì sao? Bởi vì hết thảy các loại trí thì trí vô lậu là hiếm có, tối thượng, bậc nhất. Chính trí này là nhân tu tập để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Lại nữa, nếu nơi nào có người hội được trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, đạt được vô ngã thì ở nơi ấy ví như có Phật, hoặc có các đệ tử tôn kính, quý trọng của Ngài.

14

BÁT-NHÃ LÌA TÊN GỌI VÀ Ý NIỆM

Chánh văn

Bây giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa với Đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì và chúng con phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: Kinh này tên là Kim Cương Bát-nhã Ba La Mật, quý vị phải phụng trì danh hiệu ấy. Này Tu Bồ Đề, tại sao như vậy? Vì Phật nói Bát-nhã Ba La Mật tức không phải Bát-nhã Ba La Mật, nên gọi là Bát-nhã Ba La Mật.

Giải nghĩa

Bát Nhã Ba La Mật (trí vô lậu) không sinh khởi khái niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu. Nếu sinh khởi khái niệm trí vô lậu thì trở thành trí

hữu lậu. Thế nên, Đức Phật dạy: *"Bát Nhã Ba La Mật tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, nên mới gọi là Bát Nhã Ba La Mật".*

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ như thế nào? Như Lai có thuyết pháp không? Tu Bồ Đề thưa: Không, bạch Thế Tôn! Như Lai không có gì thuyết pháp.

Giải nghĩa

Đức Thế Tôn đã sống viên mãn trong Pháp thân vô lậu thanh tịnh, ở trong ấy, rồi Ngài sẽ tùy theo nhân duyên của chúng sanh để thuyết pháp giáo hóa nên không sinh khởi ý niệm có thuyết pháp.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Tất cả bụi nhỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới là nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Quá nhiều.

Này Tu Bồ Đề! Những bụi nhỏ ấy Như Lai nói chẳng phải bụi nhỏ, nên gọi là bụi nhỏ. Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới.

Giải nghĩa

Đức Phật đã ví vọng niệm trong tâm chúng sinh nhiều như bụi bặm trong ba ngàn đại thiên thế giới. Do chúng sinh đã bị vọng niệm che phủ tâm vô lậu nên không thể đạt được giải thoát. Nếu tâm nhận biết được vọng niệm (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) thì tâm này chính là tâm vô lậu.

Thế giới là môi trường, là quốc độ mà chúng sinh đang sinh sống. Bởi chúng ta an trú trong tâm vô lậu nhận biết như thật thế giới nên không khởi lên ý niệm về thế giới. Cũng vậy, các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu rỗng lặng để nhận thấy như thật thế giới nên không sinh khởi khái niệm là thế giới.

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại bài kệ cho tổ Ma-Noa-La cũng không ngoài lý sự đã nói ở trên:

"Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo".

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ *dịch*)

Chúng ta phải ở nơi khổ đế, tập đế (năm thủ uẩn) để lãnh hội được đạo đế vô lậu; ở nơi vô minh, ái và thủ nhận được minh; ở nơi mê nhận giác; ở nơi thức nhận trí; ở nơi dòng vọng tâm sinh diệt nhận được chân tâm bất diệt.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Có thể thấy Như Lai qua ba mươi hai thân tướng không? Thưa không, bạch Thế Tôn! Không thể nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai thân tướng. Tại sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng không phải là tướng, nên gọi là ba mươi hai thân tướng.

Giải nghĩa

Ba mươi hai tướng (báo thân) không phải là thân chân thật của Như Lai. Vì sao? Bởi vì Đức Thế Tôn đã sống trọn vẹn với Pháp thân vô lậu thanh tịnh nên mới thành tựu quả vị Phật. Vì thế, Pháp thân mới chính là thân chân thật của Như Lai.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem thân mạng mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, và lại có người thọ trì kinh này, cho đến chỉ bốn câu kệ, và đem giảng dạy cho người khác, thì phước đức của người thọ trì, giảng dạy này nhiều hơn phước đức của người bố thí thân mạng kia.

Giải nghĩa

Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào với tâm hữu lậu để bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng thì phước đức rất nhiều. Nhưng nếu có

người kiến đạo tu tập, rồi dùng kinh điển của đức Phật, cho dù chỉ sử dụng một bài kệ bốn câu để chỉ dạy cho người khác cũng kiến đạo (pháp thí), thì phước đức của người sau nhiều hơn phước đức người trước.

15

TRÍ TUỆ VÀ ĐỨC TIN CHÂN THẬT

Chánh văn

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói kinh này, hiểu đến chỗ nghĩa lý thâm diệu, liền xúc động rơi nước mắt mà bạch Phật rằng: "Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Phật nói kinh điển sâu xa như thế này. Con từ khi có con mắt tuệ cho đến hôm nay, chưa từng được nghe kinh như vậy. Bạch Thế Tôn! Nếu có ai được nghe kinh này, với lòng tin thanh tịnh liền hội thật tướng thì phải biết rằng, người này thành tựu công đức bậc nhất".

Giải nghĩa

Hết thảy các loại trí thì trí vô lậu là trí tối thượng bậc nhất. Cho nên, nếu có ai lãnh hội được trí vô

lậu (Bát-nhã) thì sẽ thành tựu công đức hiếm có bậc nhất. Vì sao? Bởi vì hành giả an trú trong trí này tu tập nên sẽ thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chánh văn

Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy chính là không tướng cho nên Như Lai nói là thật tướng.

Giải nghĩa

Trí vô lậu (Bát-nhã) là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên mới là trí chân thật. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Na-già-đạt-đa (2)*, số 567, trưởng giả Chất-đa-la nói: "*Tham là có lượng. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không có ngã, không có ngã sở.*"

Chánh văn

Bạch Thế Tôn! Hôm nay con được nghe kinh này, tin hiểu và thọ trì, chẳng phải là khó. Nhưng nếu trong tương lai năm trăm năm về sau, có chúng sinh nào nghe được kinh này mà tin hiểu và thọ trì, thì người ấy mới là hiếm có bậc nhất.

Tại sao? Bởi người này không có ý tưởng về ngã, không có ý tưởng về nhân, không có ý tưởng về chúng sinh và không có ý tưởng về thọ mạng. Vì ngã tướng tức là phi tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức là phi tướng.

Giải nghĩa

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn năm trăm năm, nếu có ai nhận được trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thì bậc hiếm có bậc nhất.

Chánh văn

Tại sao thế? Vì xa lìa hết thảy các tướng nên gọi là Phật.

Giải nghĩa

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu thì sẽ xa lìa được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên đạt được thánh quả Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm cho tham, sân và si câu sinh ở nơi năm thủ uẩn được giảm mỏng nên đạt bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm an trú trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kiết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm an trú trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế) nên đạt bậc thánh A-la-hán. Bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, các bậc thánh

A-la-hán tiếp tục tu tập để xa lìa hết thảy tướng chấp pháp (sở tri chướng) nên thành tựu các hàng Bồ-tát như thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác cho đến Diệu Giác tức thành Phật.

Chánh văn

Phật bảo Tu Bồ Đề: Đúng như vậy! Đúng như vậy!

Giải nghĩa

Đức Phật đã chứng minh lời giải thích của ngài Tu Bồ Đề là đúng với ý Phật.

Chánh văn

Nếu lại có người nghe kinh này, mà không khiếp đảm, không sợ hãi thì phải biết người như vậy rất là hiếm có.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy tất cả chúng sinh hữu tình đều có sẵn tâm vô lậu. Nếu có ai nghe Đức Phật dạy

như thế mà phát sinh lòng tin cho đó là sự thật thì vị ấy rất hiếm có. Nhưng lại hiếm có hơn nữa khi vị ấy thực tập để lãnh hội được tâm vô lậu. Với ý nghĩa này, trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh có dạy rằng:

"Nếu người nghe pháp này rồi, không sinh khiếp nhược, nên biết người này quyết định nối dòng giống Phật, ắt sẽ được chư Phật thọ ký.

Giả sử có người hay giáo hóa chúng sinh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho họ tu tập thập thiện, cũng không bằng có người ở trong khoảng bữa ăn, chân chánh tư duy về pháp này (chân như). Công đức của người sau hơn công đức của người trước không thể nào thí dụ được" (Hòa Thượng Thích Thanh Từ *dịch*).

Chánh văn

Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật tức chẳng phải đệ nhất Ba La Mật, nên gọi là đệ nhất Ba La Mật.

Giải nghĩa

Trong tất cả các pháp, Bát-nhã Ba-la-mật-đa là pháp tối thượng bậc nhất. Bát-nhã Ba-la-mật-đa chính là trí vô lậu. Vì vậy, Bát-nhã Ba-la-mật không sinh khởi khái niệm Bát-nhã Ba-la-mật-đa hay không phải Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu sinh khởi khái niệm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì không phải Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba La Mật, Như Lai nói chẳng phải nhẫn nhục Ba La Mật.

Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Như xa xưa bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể, lúc ấy ta không có ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sinh tướng và không thọ giả tướng.

Tại sao? Lúc xưa, khi thân thể bị cắt đứt từng phần, nếu ta có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thì sẽ sinh giận dữ oán hận.

Này Tu Bồ Đề! Ta nhớ năm trăm đời trong quá khứ, Ta đã từng là vị tiên nhân nhẫn nhục. Trong thời gian đó, ta không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng.

Giải nghĩa

Bậc thánh Tu-đà-hoàn, bậc thánh Tư-đà-hàm, bậc thánh A-na-hàm chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã câu sinh nên các Ngài không đạt được nhẫn nhục Ba La Mật. Chỉ có những bậc thánh A-la-hán và hàng Bồ-tát Bát-địa trong Thập địa do đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã câu sinh (phiền não chướng) nên mới đạt được nhẫn nhục Ba La Mật.

Chánh văn

Vì lý do ấy, này Tu Bồ Đề! Bồ-tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì phải xa lìa tất cả các tướng. Phát tâm không trụ vào sắc, phát tâm không trụ vào thanh, hương, vị, xúc và pháp, hãy phát tâm không nên trụ vào bất cứ một cái gì.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy các vị Bồ-tát cần phải an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, giáo hóa chúng sinh cầu quả Vô Thượng Bồ Đề.

Chánh văn

Nếu tâm có chỗ trụ thì đó không phải là chỗ trụ chân thật.

Giải nghĩa

Nếu sống với tâm hữu lậu để tu tập thì đó là tâm có chỗ trụ. Còn nếu an trú trong tâm vô lậu để tu tập thì tâm này không có chỗ trụ. Cho nên, Đức Phật dạy các bậc Bồ-tát phải sống trong tâm vô lậu tu tập, đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu (khổ đế - tập đế) để đạt được Niết-bàn. Khi các Ngài đạt được Niết-bàn, nên ở trong đó không sinh khởi khái niệm có chứng, có đắc - Đây mới là chỗ trụ chân thật của các vị Bồ-tát.

Chánh văn

Vì lý do đó, Đức Phật nói rằng: Bồ-tát bố thí, tâm không trụ vào sắc.

Này Tu Bồ Đề, Bồ-tát vì lợi ích hết thảy chúng sinh, nên phải bố thí với tâm như vậy.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy, các vị Bồ-tát phải an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, giáo hóa chúng sinh với nhiều phương tiện như tài thí và pháp thí. Đây chính là các vị Bồ-tát sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Chánh văn

Như Lai nói tất cả các tướng tức chẳng phải tướng, lại nói tất cả các chúng sanh tức chẳng phải là chúng sanh.

Giải nghĩa

Bởi các vị Bồ-tát sống trong trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, cũng như giáo hóa chúng sinh nên ở trong trí ấy không sinh khởi khái niệm về các tướng và chúng sinh.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Như Lai là người nói đúng, nói thật, nói như lời, nói không lừa dối, là người không nói lời biến dị.

Giải nghĩa

Tất cả lời dạy của Đức Thế Tôn không bao giờ sai với sự thật.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Pháp được chứng đắc bởi Như Lai, pháp ấy không phải thật cũng không phải trống rỗng.

Giải nghĩa

Đức Thế Tôn đã sống viên mãn trong Pháp thân vô lậu thanh tịnh nên ở trong đó không sinh khởi khái niệm cho là thật; nhưng ở trong ấy lại có trí tuệ, thần thông diệu dụng nên không phải trống rỗng.

Cũng vậy, tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi tâm này

là không, vô tướng và vô tác nên không sinh khởi khái niệm cho là thật; và ở trong tâm ấy lại có trí tuệ thấu suốt tất cả pháp thiện và bất thiện nên không phải trống rỗng. Cho nên, nếu ta cho tâm vô lậu là thật thì vốn không có hình tướng gì để nắm bắt; nhưng nếu ta cho tâm ấy là trống rỗng thì lại có trí tuệ thấu suốt tất cả các pháp. Vì vậy, không thể nói tâm vô lậu là không hay là có. Do đó, tâm ấy có mà chẳng phải có vì không tướng; không mà chẳng phải không vì có trí tuệ thấu suốt tất cả pháp.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát trụ tâm nơi pháp mà thực hiện bố thí thì cũng như người đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì.

Giải nghĩa

Nếu các vị Bồ-tát trụ trong tâm hữu lậu để tu tập, cũng như giáo hóa chúng sinh với các phương tiện như tài thí và pháp thí, thì vị ấy vẫn chưa lìa khỏi vô minh, ái và thủ. Nghĩa là, vị ấy trụ tâm nơi

pháp tức trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Do đó, Đức Phật ví như người đi vào trong bóng tối chẳng thấy được gì.

Chánh văn

Nếu Bồ-tát không trụ tâm nơi pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt sáng đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được tất cả mọi hình và mọi sắc.

Giải nghĩa

Nếu các vị Bồ-tát an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) tu tập, cũng như giáo hóa chúng sinh với nhiều phương tiện như tài thí, pháp thí thì sẽ thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật. Nghĩa là, vị ấy không trụ tâm nơi pháp tức không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Cho nên, Đức Phật ví như người có mắt sáng, khi mặt trời chiếu sẽ thấy rõ các loại hình sắc.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Đời sau, nếu có thiện nam hay thiện nữ, đối với kinh này có thể thọ trì, đọc tụng, sẽ được

Như Lai dùng trí tuệ của Phật biết rõ, thấy rõ những người này đều thành tựu công đức vô lượng vô biên.

Giải nghĩa

Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào trong một niệm lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập thì đạt được công đức rất lớn. Bởi vì, đây là nhân tu tập để thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật.

16

CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ KINH

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ vào buổi sáng đem hằng sa thân mạng để bố thí; vào buổi trưa lại đem hằng sa thân mạng để bố thí và vào buổi chiều cũng đem hằng sa thân mạng để bố thí, dùng thân mạng để bố thí như vậy đến vô lượng trăm ngàn vạn kiếp; nhưng lại có người nghe kinh điển này tin tưởng không sai, thì phước đức của người này vượt hơn phước đức của người bố thí kia, huống nữa lại còn sao chép, thọ trì, đọc tụng và giảng giải cho người khác.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy nếu có thiện nam hay thiện nữ nào sống với trí hữu lậu mà bố thí hằng sa thân mạng vào buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều,

cho đến vô lượng trăm ngàn vạn kiếp thì được phước đức rất lớn. Nhưng nếu có người kiến đạo tu tập, rồi dùng kinh điển của đức Phật để chỉ dạy cho người khác cũng được kiến đạo (pháp thí), thì phước đức người sau lớn hơn người trước.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Tóm lại, kinh này là không thể nghĩ bàn, không thể đo lường, công đức vô biên.

Giải nghĩa

Trong tất cả các trí, trí vô lậu (Bát-nhã) là trí tuệ tối thượng bậc nhất. Cho nên, nếu vị nào lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã), rồi sống trong trí này để tu tập thì sẽ đạt được công đức vô lượng. Bởi vì, đây là nhân tu tập để thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật. Do đó, Đức Phật dạy "*kinh này là không thể nghĩ bàn, không thể đo lường, công đức vô biên*".

Chánh văn

Như Lai nói kinh này vì người phát tâm đại thừa, vì người phát tâm tối thượng thừa.

Nếu có ai có thể thọ trì, đọc tụng, vì mọi người giảng nói rộng rãi thì Như Lai đều thấy, đều biết, những người này sẽ thành tựu công đức không thể đo, không thể lường, không có giới hạn, không thể nghĩ bàn. Những người như vậy là những người gánh vác pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai.

Giải nghĩa

Nếu những ai lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập thì sẽ thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Những vị ấy mới có thể hiểu rõ được phần nào lời dạy của đức Phật qua kinh điển, rồi từ đó sử dụng kinh điển để giảng dạy cho người khác cũng nhận được trí vô lậu. Chính những vị ấy sẽ thành tựu công đức không thể nghĩ bàn.

Chánh văn

Vì sao? Tu Bồ Đề! Nếu những ai ưa thích pháp nhỏ, chấp trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến thì với kinh này không thể nghe, không thể thọ trì, đọc tụng, và diễn giảng cho mọi người.

Giải nghĩa

Trong tiến trình tu và học, chúng ta hiểu giáo pháp của đức Phật đều thông qua việc giảng dạy và trao truyền của các vị thầy. Chính chánh kiến tu học của người thầy đạt được tới đâu thì sẽ dạy lại cho người học trò tới đó. Cho nên, khi người thầy thực tập pháp niệm Phật, hoặc niệm hơi thở, hoặc trì chú... thì cũng sẽ dạy lại cho đệ tử tu tập như vậy.

Nếu ai không tin mình và tất cả mọi người đều vốn sẵn có trí vô lậu thì khi nghe các vị Thầy giảng dạy về trí vô lậu (Bát-nhã) qua kinh điển, vị ấy sẽ không tin đó là sự thật. Còn nếu vị nào lãnh hội được trí vô lậu thì sẽ biết rằng đây là một sự thật. Nếu như chúng ta không có trí vô lậu thì làm sao

tu tập để đoạn trừ được tâm hữu lậu (khổ đế - tập đế)?! Lại nữa, các bậc thánh nhân trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai dùng nhân gì để tu tập mà thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật? Do đó, trong Kinh *Kim Cang*, Kinh *Bát Nhã*, Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Kinh *Pháp Hoa*, trong bốn bộ *A-hàm*, năm bộ *Nikaya*... Đức Phật đều dạy rằng: *"Tất cả chúng sinh hữu tình đều vốn sẵn có trí vô lậu (đạo đế vô lậu)"*.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào có kinh này, hết thảy thế gian, các hàng trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường. Nên biết nơi đây tức là tháp Phật, nên cung kính nhiễu quanh lễ bái, đem các thứ hương hoa rải lên nơi đây.

Giải nghĩa

Bất cứ nơi nào có người lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập, đạt được tứ thánh quả thì sẽ được chư Thiên, A-tu-la và những người trong thế gian cung kính, cúng dường.

17

CÓ KHẢ NĂNG LÀM SẠCH NGHIỆP CHƯỚNG

Chánh văn

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị người khác khinh dễ, thì người ấy phải biết đời trước đã tạo tội đáng đoạ vào đường dữ, nhưng nay bị người khinh dễ mà tội nghiệp đời trước được tiêu diệt, nên sẽ thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa

"Tội nghiệp đời trước, dụ cho niệm trước khởi vọng tâm. Người đời nay khinh chê là dụ cho niệm sau giác ngộ; sau giác ngộ là ăn năn vọng tâm trước. Nếu tâm trước đã diệt thì hối sau cũng diệt. Hai niệm đã không còn, tức là công đức của người trì

kinh đầy đủ, liền được Bồ Đề" (Ngữ lục của Thiền sư Thần Hội, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Tiến trình sinh tử là vô cùng, chúng ta đã từng bỏ thân này rồi lại tiếp nối thân khác, không thể biết được bờ mé của nó. Trong dòng lưu chuyển sinh tử ấy, chúng ta đã tạo tác vô số nghiệp nhân thiện ác, rồi dựa vào nhân đó để dẫn ta có mặt hôm nay. Chính năm thủ uẩn (con người) của chúng ta trong hiện tại là do nghiệp nhân thiện ác của thời quá khứ dẫn sinh, nên gọi là nghiệp cũ. Từ đó, trong đời hiện tại này, chúng ta lại tiếp tục tạo nghiệp thiện ác, gọi là nghiệp mới.

Ngày hôm nay, chúng ta có niềm tin sâu xa với Tam Bảo, nhờ thiện tri thức chỉ dạy nên trong một niệm hội được trí vô lậu (Bát-nhã). Tuy vậy, vẫn không sao tránh khỏi nghiệp cũ đã tạo tác trong thời quá khứ, khi nhân duyên đầy đủ sẽ thành quả. Chính ý nghĩa đó, dù điều kiện thuận hay nghịch xảy ra thì chúng ta cần phải luôn an trụ trong trí vô lậu (Bát-nhã) tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn (nghiệp cũ). Khi năm thủ uẩn (nghiệp cũ) được đoạn trừ chừng nào thì

chúng ta sẽ sống được trong tâm vô lậu chừng ấy – Đó chính là ý nghĩa nghiệp cũ được đoạn trừ và nghiệp mới không sinh.

Để thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề thì hành giả phải kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng), nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp

(sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, hàng Bồ-tát Bát-địa vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác). Vì vậy nên kinh nói: "*tội nghiệp đời trước được tiêu diệt và sẽ được Vô Thượng Bồ Đề*".

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Ta nhớ vô số vô lượng kiếp trong quá khứ, trước khi gặp gỡ Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai đã gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức triệu triệu chư Phật, đối với Đức Phật nào, Như Lai cũng thừa sự cúng dường không hề bỏ qua. Nhưng lại có ai vào thời mạt thế sau này có thể thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức còn hơn công đức ta đã cúng dường chư Phật. Công đức của Như Lai so với công đức của người kia không bằng một phần trăm,

phần ngàn, phần vạn ức cho đến dùng thí dụ toán số cũng không so sánh được.

Giải nghĩa

Trong vô lượng kiếp quá khứ trước khi gặp Phật Nhiên Đăng, Đức Thế Tôn đã phụng sự cúng dường tám trăm bốn ngàn vạn ức triệu triệu chư Phật nên phước đức thật vô lượng. Nhưng Đức Phật lại dạy: vào thời mạt thế sau này, nếu có ai nhận được trí vô lậu (Bát-nhã) tu tập thì công đức sẽ lớn hơn công đức mà Đức Thế Tôn đã phụng sự cúng dường chư Phật trong quá khứ.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ ở thời mạt thế về sau, đối với kinh này có khả năng thọ trì, đọc tụng thì công đức của họ đạt được, nếu Như Lai nói đầy đủ, hoặc có người nghe, tâm của họ sẽ nổi lên cuồng loạn, hồ nghi và không tin.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy vào thời mạt thế về sau, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào lãnh hội được tâm vô lậu tu tập thì thành tựu công đức không thể nghĩ bàn. Bởi vì, đây là nhân tu tập để thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật. Nếu nói đầy đủ về công đức của một hành giả lãnh hội được tâm vô lậu cho những người không có niềm tin thì sau khi nghe, vì không hiểu nên sẽ sinh tâm cuồng loạn, nghi ngờ và không tin đó là thật.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Phải biết ý nghĩa của kinh này không thể nghĩ bàn và quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Giải nghĩa

Ý nghĩa của Kinh *Kim Cương* chính là trí vô lậu (Bát-nhã). Cho nên, nếu vị nào lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) để tu tập thì sẽ đạt được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Chính đây là quả báo không thể nghĩ bàn.

18

TRÍ TUỆ VÔ LẬU ĐỐI VỚI HẠNH BỒ-TÁT

Chánh văn

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam hay thiện nữ đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì phải an trụ tâm như thế nào và phải làm sao để hàng phục tâm họ?

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề rằng: Thiện nam hay thiện nữ đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì phải sinh tâm như thế này: "Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi, mà không thấy có một chúng sinh nào được diệt độ".

Giải nghĩa

Đức Phật dạy, nếu thiện nam hay thiện nữ nào muốn thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị

Phật thì cần an trú trong tâm vô lậu để tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (tâm hữu lậu). Khi tâm hữu lậu được đoạn trừ hoàn toàn thì hành giả đạt được Niết-bàn, nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm có đoạn, có chứng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát nhờ sống trong tâm vô lậu để tu tập, cũng như giáo hóa chúng sinh nên ở trong tâm ấy không khởi khái niệm có chúng sinh được độ.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, tại sao? Nếu Bồ-tát còn có khái niệm về ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát chân thật.

Giải nghĩa

Nếu các vị Bồ-tát sống với tâm hữu lậu để tu tập, cũng như giáo hóa chúng sinh thì vị ấy chưa phải là một vị Bồ-tát đích thực. Tại sao? Bởi Bồ-tát ấy chưa đoạn trừ được ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thuộc

về câu sinh. Do đó, Đức Phật dạy nếu các vị Bồ-tát chưa kiến đạo thì hãy nỗ lực tu tập để kiến đạo. Còn nếu các vị Bồ-tát đã kiến đạo rồi thì hãy tiếp tục nỗ lực tu tập để đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thuộc về chấp ngã câu sinh để đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, tại sao? Vì thật không có pháp nào gọi là người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa

Về phương diện tu tập mà nói thì mỗi người thiện nam hay thiện nữ cần phải phát tâm tu tập để đạt được tứ thánh quả cho đến quả vị Phật. Nhưng vì trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Ở nơi Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc pháp Vô Thượng Bồ Đề không? Không, bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa lời dạy Thế Tôn thì Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng không có đắc pháp nào gọi là Vô Thượng Bồ Đề cả.

Đức Thế Tôn dạy: Đúng thế, đúng như thế.

Này Tu Bồ Đề! Thật không có pháp nào gọi là Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có pháp gì gọi là Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề thì Đức Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho Như Lai rằng: Đời sau ông sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Bởi thật không có pháp gì Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề nên Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho ta rằng: Đời sau ông sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Giải nghĩa

Đức Thế Tôn đã lãnh hội được tâm vô lậu từ nơi đức Phật Nhiên Đăng. Bởi tâm này là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng và vô tác nên không sinh khởi khái niệm có chứng, có đắc, nhưng không phải không có chứng, không có đắc. Chính Đức Thế Tôn đã y vào tâm vô lậu này để tu tập nên mới thành tựu quả vị Phật với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Chánh văn

Tại sao? Vì Như Lai là nghĩa như của các pháp.

Giải nghĩa

Nếu chúng ta sống trong trí vô lậu (Bát-nhã) thì trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Đây là ý nghĩa *"Như Lai là nghĩa như của các pháp"*.

Chánh văn

Nếu có ai nói Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề thì này Tu Bồ Đề, thật không có pháp gì gọi là Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Pháp Vô Thượng Bồ Đề Như Lai đạt được, trong đó không có thật cũng không phải trống rỗng.

Giải nghĩa

Đức Thế Tôn đã sống viên mãn trong Pháp thân vô lậu thanh tịnh nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm chứng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm cho là thật; nhưng ở trong tâm ấy lại có trí tuệ thấu suốt tất cả pháp nên không phải trống rỗng như hư không.

Chánh văn

Vì vậy Như Lai nói tất cả các pháp đều là Phật Pháp.

Giải nghĩa

Nếu chúng ta sống trong tâm vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy vô lậu) để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận biết các pháp trần thì tất cả pháp đều là Phật Pháp (pháp vô lậu). Còn nếu chúng ta sống với tâm hữu lậu thiện (chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu) để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận biết các pháp trần thì tất cả pháp đều là tâm hữu lậu thiện. Nhưng nếu chúng ta sống với tâm hữu lậu bất thiện (tà kiến và tà tư duy) để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận biết các pháp trần thì tất cả pháp đều là tâm bất thiện.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp tức chẳng phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp.

Giải nghĩa

Chúng ta sống trong chân tâm để nhận thấy tất cả pháp nên ở trong ấy không khởi lên khái niệm đối với tất cả pháp, nên mới gọi là thấy được như thật tất cả pháp.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao lớn. Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn tức chẳng phải thân cao lớn, nên mới gọi là thân cao lớn".

Giải nghĩa

"*Thân người cao lớn*" chưa phải là lớn vì pháp hữu vi nên vẫn có giới hạn. Duy chỉ có tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng và vô tác nên mới thực là lớn.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu cho rằng, ta sẽ độ thoát chúng sinh vô lượng thì không gọi là Bồ-tát.

Giải nghĩa

Các vị Bồ-tát sống trong tâm hữu lậu để tu tập và giáo hóa chúng sinh nên sẽ sinh khởi khái niệm có chúng sinh được giáo hóa - đây chưa phải là một vị Bồ-tát chân thật. Chỉ có những vị Bồ-tát sống trong tâm vô lậu để tu tập và giáo hóa chúng sinh, nên ở trong tâm ấy không sinh khởi khái niệm có chúng sinh được giáo hóa - đây mới chính là những vị Bồ-tát chân thật.

Chánh văn

Tại sao? Thật không có một pháp nào được gọi là Bồ-tát. Cho nên Đức Phật dạy tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sinh và không thọ giả.

Giải nghĩa

Vô ngã gồm có hai ý nghĩa: Một, năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Hai, tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác tức vô ngã (không ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng). Vì thế,

các vị Bồ-tát sống trong tâm vô lậu tu tập và giáo hóa chúng sinh nên ở trong tâm ấy không sinh khởi khái niệm Bồ-tát.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát cho rằng, ta phải trang nghiêm cõi Phật thì vị ấy không phải là Bồ-tát.

Giải nghĩa

Các vị Bồ-tát sống trong trí hữu lậu tu tập và giáo hóa chúng sinh nên sẽ sinh khởi khái niệm để trang nghiêm cõi Phật, đây chưa phải là một vị Bồ-tát đích thực.

Chánh văn

Tại sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm, nên gọi là trang nghiêm.

Giải nghĩa

Các vị Bồ-tát sống trong trí vô lậu tu tập cũng như giáo hóa chúng sinh để trang nghiêm cõi Phật,

ở trong trí ấy sẽ không sinh khởi khái niệm trang nghiêm nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát thông đạt được pháp vô ngã, Như Lai gọi vị ấy là Bồ-tát đích thực.

Giải nghĩa

Những vị Bồ-tát sống trong trí vô lậu để tu tập, đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Đây mới gọi là những vị Bồ-tát đích thực.

19

TRÍ TUỆ NHƯ LAI

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có nhục nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có thiên nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có tuệ nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có pháp nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.

Giải nghĩa

Trong "*Thần Hội Ngữ Lục*" (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch) có dạy: "*Thấy sắc thanh tịnh gọi là nhục nhãn. Thấy thể thanh tịnh gọi là thiên nhãn. Thấy thể thanh tịnh nơi các chánh định và tám muôn bốn ngàn môn Ba La Mật đều ở trên cái thấy, đồng thời khởi dụng, gọi là tuệ nhãn. Thấy thể thanh tịnh, không thấy không có gì chẳng thấy, gọi là pháp nhãn. Thấy chẳng phải tịch, chẳng phải chiếu, gọi là Phật nhãn*".

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Trong sông Hằng có bao nhiêu cát, Như Lai cũng nói đó là cát phải không? Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, Như Lai gọi đó là cát.

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Như có bao nhiêu cát trong một sông Hằng là có bấy nhiêu sông Hằng

như số cát ấy; và thế giới của chư Phật là như số cát của các sông Hằng, như vậy có nhiều không?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Đức Phật dạy Tu Bồ Đề rằng: Trong các cõi nước ấy có bao nhiêu chúng sinh, bao nhiêu tâm tưởng, Như Lai đều biết hết. Tại sao? Như Lai nói các dòng tâm đều chẳng phải tâm, nên gọi là tâm.

Giải nghĩa

Trong các cõi nước ấy có bao nhiêu chúng sinh và mỗi chúng sinh lại có bao nhiêu tâm tưởng, tất cả đều chỉ là vọng tâm. Nếu tâm nhận biết được như thật vọng tâm thì tâm này chính là chân tâm, chứ không phải vọng tâm.

Chánh văn

Tại sao? Tu Bồ Đề! Không thể có được cái tâm quá khứ, không thể có được tâm hiện tại và không thể có được tâm vị lai.

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên thuộc về ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Do tâm này là không, vô tướng và vô tác nên không thuộc về ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

20

PHƯỚC ĐỨC VÔ LẬU

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí, do nhân duyên này, người ấy được phước đức nhiều không?

Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này, người ấy được phước đức rất nhiều.

Này Tu Bồ Đề! Nếu phước đức là có thật thì Như Lai đã không nói có phước đức nhiều. Bởi phước đức là không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

Giải nghĩa

Nếu có người sống trong trí hữu lậu để tu tập và bố thí bảy thứ châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới thì được phước đức rất nhiều.

Nhưng vẫn không bằng phước đức của một vị Bồ-tát sống trong trí vô lậu để tu tập và giáo hóa chúng sinh với các phương tiện như tài thí, pháp thí. Thế nên Đức Phật dạy: *"Bởi phước đức là không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều"*.

21

PHÁP THÂN VÔ TƯỚNG

Chánh văn

Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn thấy Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?

Bạch Thế Tôn! Không. Không thể nhìn thấy Như Lai qua sắc thân đầy đủ. Tại sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, nên gọi là sắc thân đầy đủ.

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Có thể đem các tướng đầy đủ mà cho là thấy Như Lai không?

Bạch Thế Tôn! Không. Không nên đem các tướng đầy đủ mà cho là thấy Như Lai. Tại sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, nên gọi là các tướng đầy đủ.

Giải nghĩa

Sắc thân (báo thân) của Như Lai có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Đó chưa phải là thân thật của Đức Như Lai. Tại sao? Bởi vì Đức Thế Tôn sống viên mãn với Pháp thân vô lậu thanh tịnh nên thành Phật. Vì vậy, Pháp thân vô lậu mới chính là thân chân thật của Như Lai.

22

PHÁP VÀ HẠNH THUYẾT PHÁP CỦA ĐỨC PHẬT

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ rằng: Như Lai có ý niệm, ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Tại sao? Nếu ai nói Như Lai có thuyết pháp tức phỉ báng Phật, không hiểu điều ta nói. Này Tu Bồ Đề! Thuyết pháp nghĩa là không có gì để thuyết, nên gọi là thuyết pháp.

Giải nghĩa

Nếu có ai nghĩ rằng Như Lai sinh khởi khái niệm để thuyết pháp thì vị ấy hiểu không đúng trí tuệ của Phật. Tại sao? Bởi Đức Phật sống viên mãn trong pháp thân vô lậu thanh tịnh, rồi ở trong ấy, Ngài sẽ tùy theo nhân duyên của chúng sinh

mà thuyết pháp nên không sinh khởi khái niệm để thuyết pháp.

Chánh văn

Lúc bấy giờ Huệ Mạng - Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn, có chúng sinh nào ở trong thời vị lai, khi nghe pháp này phát sinh lòng tin chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Những vị ấy không phải là chúng sinh nhưng cũng không phải là không chúng sinh.

Giải nghĩa

Chúng sinh là chỉ cho những người đang sống với vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã. Khi chúng ta kiến đạo tức hội được chánh kiến vô lậu thì đạt được bậc thánh Tu-đà-hoàn nên không còn là một chúng sinh phàm phu. Nhưng vị ấy cũng không phải là không chúng sinh vì năm thủ uẩn vẫn chưa được đoạn trừ hoàn toàn.

Chánh văn

Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Chúng sinh, Như Lai nói không phải là chúng sinh, nên gọi là chúng sinh.

Giải nghĩa

Năm thủ uẩn (con người) là chúng sinh, nếu tâm nhận biết được như thật năm thủ uẩn thì tâm này chính là tâm vô lậu, chứ không phải là tâm hữu lậu (tâm chúng sinh). Cũng vậy, vô minh, ái và thủ là tâm chúng sinh, nếu tâm nhận biết được như thật vô minh, ái và thủ thì tâm này chính là tâm vô lậu, chứ không phải là tâm chúng sinh.

23

QUẢ VÀ PHÁP VÔ TƯỚNG

Chánh văn

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai đắc Tuệ Giác Vô Thượng có phải là cái vô sở đắc không?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đối với pháp Vô Thượng Bồ Đề, Như Lai chẳng có một chút xíu nào gọi là đạt được, nên mới gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Ngài Tu Bồ Đề nói: hết cái tâm sở đắc tức là Bồ Đề. Đức Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy. Đối với Bồ Đề, Như Lai thật không có tâm mong cầu, cũng không có tâm nghĩ rằng đạt được, như thế nên được gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa

Bởi Đức Thế Tôn sống viên mãn trong pháp thân vô lậu thanh tịnh nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm đạt được Vô Thượng Bồ Đề.

24

THỰC TẬP PHÁP VÔ LẬU

Chánh văn

Lại nữa, Tu Bồ Đề, pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, nên gọi Vô Thượng Bồ Đề. Đem cái tâm không ngã, không nhân, không chúng sinh và không thọ giả, tu tất cả thiện pháp thì đạt được Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa

Nếu chúng ta sống trong tâm hữu lậu (năm thủ uẩn) để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận thức các pháp trần thì sẽ sinh khởi khái niệm cao thấp, thiện ác, phải trái… nên không bình đẳng. Còn nếu chúng ta sống trong tâm vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận biết các pháp trần thì trong cái thấy chỉ là

cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết nên bình đẳng. Cho nên, chúng ta phải an trụ trong tâm vô lậu để tu tập, cũng như thực hành tất cả các thiện pháp thì mới đạt được tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Tu Bồ Đề! Nói thiện pháp, Như Lai bảo chẳng phải thiện pháp mới là thiện pháp.

Giải nghĩa

Thiện pháp gồm thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu. Thiện pháp hữu lậu mới sinh khởi khái niệm đây là thiện pháp; còn thiện pháp vô lậu (Bát-nhã) sẽ không sinh khởi khái niệm đây là thiện pháp vô lậu. Cho nên, khi chúng ta sống trong tâm vô lậu để tu tập tất cả các thiện pháp thì sẽ không sinh khởi khái niệm cho đó là những thiện pháp mà mình đã làm.

25

PHƯỚC HỮU LẬU VÀ PHƯỚC VÔ LẬU

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy báu chất đầy như các núi chúa Tu Di trong ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí; và nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác, dù chỉ bốn câu kệ trong kinh Bát-nhã Ba La Mật này thì phước đức người này so với người trước, gấp trăm ngàn vạn ức lần, cho đến dùng thí dụ toán số cũng không nói hết được.

Giải nghĩa

Nếu có người sống với tâm hữu lậu để đem bố thí bảy báu (tài thí) chất đầy như núi Tu Di trong ba ngàn đại thiên thế giới thì phước đức vô lượng

vô biên. Còn nếu có hành giả kiến đạo để tu tập, rồi từ đó dựa vào kinh điển của Đức Phật, cho dù chỉ dùng bài kệ bốn câu để giảng dạy cho người khác cũng kiến đạo (pháp thí), thì phước đức của vị này lớn hơn phước đức của người trước.

26

HOÁ ĐỘ VÔ TRÚ

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Quý vị đừng nghĩ Như Lai có ý niệm rằng: Ta sẽ độ chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề! Đừng nghĩ như thế, tại sao? Thật không có chúng sinh được độ bởi Như Lai cả. Nếu nói có chúng sinh Như Lai độ thì Như Lai có ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả.

Giải nghĩa

Mỗi chúng sinh đều vốn sẵn có tâm vô lậu nhưng không thể tự mình lãnh hội được. Vì thế, Đức Thế Tôn và các bậc thánh nhân đã dùng vô số phương tiện để giáo hóa nhằm giúp cho tất cả chúng ta biết tu tập các thiện pháp và cho đến khi

hội được tâm vô lậu. Trong quá trình ấy, các Ngài vẫn sống trong tâm vô lậu nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm có chúng sinh được giáo hóa.

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã tức chẳng phải có ngã mà phàm phu cho là có ngã.

Giải nghĩa

Theo các bản chú giải: Chữ "ngã" trong câu trên nghĩa là chỉ cho tâm vô lậu.

Vô ngã có hai ý nghĩa: Một, năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Hai, tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác tức vô ngã (không ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng).

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Phàm phu, Như Lai nói tức chẳng phải phàm phu, nên gọi là phàm phu.

Giải nghĩa

"Phàm phu" ở đây chỉ cho những người đang sống với vô minh, ái và thủ. Còn nếu tâm nhận biết được như thật vô minh, ái và thủ thì tâm này chính là tâm vô lậu, chứ không phải là tâm phàm phu.

27

PHÁP THÂN VÔ TƯỚNG

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt không?

Tu Bồ Đề thưa: Đúng như vậy, đúng như vậy. Nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt.

Đức Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, nếu nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt thì vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa được nói bởi Thế Tôn, thì không thể nhìn thấy Như Lai bằng ba mươi hai tướng tốt.

Giải nghĩa

Sắc thân (báo thân) của Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nhưng đó không phải là thân chân thật của Như Lai. Chính Pháp thân vô lậu mới là thân chân thật của Như Lai.

Chánh văn

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Trông ta bằng sắc tướng,
Cầu ta bằng âm thanh,
Là người tu tà đạo,
Không thấy được Như Lai.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy: Bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Cho nên, nếu hành giả nào đang trụ trong chánh kiến hữu lậu để tu tập thì đó chưa phải là chánh kiến chân thật. Vì thế, chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu để tu tập thì đây mới là chánh kiến chân thật.

28

KHÔNG CHẤP LÝ MÀ PHẢI TU TẤT CẢ CÁC THIỆN PHÁP

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu Thầy nghĩ rằng: Như Lai không tu đầy đủ các tướng tịnh hạnh mà đạt Bồ Đề thì này Tu Bồ Đề, Thầy đừng nghĩ như vậy. Đừng nghĩ Như Lai không tu đầy đủ các tướng tịnh hạnh mà được Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Thầy nghĩ rằng: Người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề nói tướng các pháp là diệt mất thì đừng nghĩ như vậy. Tại sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề không nói tướng các pháp là diệt mất.

Giải nghĩa

Nếu có ai cho rằng pháp hữu vi là pháp duyên sinh, vô thường, đoạn diệt nên ta chỉ cần lãnh hội được trí vô lậu để tu tập thì cũng sẽ đạt được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật, chứ không cần phải thực tập các thiện pháp. Vị nào nhận thức như thế là hết sức sai lầm! Bởi vì hành giả muốn đạt được tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật thì cần phải kiến đạo tức lãnh hội trí vô lậu để tu tập và thực hành tất cả thiện pháp. Cuộc đời của đức Phật là một minh chứng cho điều đó, vì từ khi Ngài phát tâm tu tập để cầu Vô Thượng Bồ Đề cho đến khi thành đạo và nhập Niết-bàn giữa hai cây Sala, trong khoảng thời gian ấy, không có một thiện pháp nào mà Ngài không thực hành.

29

PHƯỚC HỮU LẬU VÀ CÔNG ĐỨC VÔ TRÚ

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ-tát đem bảy báu đầy khắp thế giới như cát sông Hằng để bố thí và lại có người biết tất cả pháp là vô ngã, thành tựu nhẫn lực thì công đức vị Bồ-tát sau hơn vị Bồ-tát trước.

Giải nghĩa

Nếu có vị Bồ-tát sống với trí hữu lậu để đem bảy báu bố thí (tài thí) đầy khắp thế giới nhiều như số cát sông Hằng thì phước đức lớn vô lượng vô biên. Còn nếu có vị Bồ-tát an trú trong trí vô lậu tu tập đạt được hoàn toàn vô ngã thì công đức của vị Bồ-tát này lớn hơn công đức của vị Bồ-tát trước.

Chánh văn

Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Bồ-tát không cần tiếp nhận phước đức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao không nhận phước đức?

Này Tu Bồ Đề! Bồ-tát làm các phước đức mà không tham đắm nên nói không nhận phước đức.

Giải nghĩa

Nghĩa là, do các vị Bồ-tát sống trong tâm vô lậu để tu tập, cũng như giáo hóa chúng sinh bằng vô số phương tiện như tài thí, pháp thí nên sẽ không bị mắc kẹt nơi các pháp. Đây chính là các vị Bồ-tát sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

30

PHÁP THÂN VÔ TRÚ

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có ai nói Như Lai nào đi, đứng, ngồi, nằm, người ấy không hiểu ý nghĩa của lời Như Lai.

Tại sao? Như Lai nghĩa là không từ đâu đến cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai.

Giải nghĩa

Bởi vì đức Thế Tôn sống viên mãn trong pháp thân vô lậu thanh tịnh nên thành tựu báo thân và ứng thân của Như Lai. Khi đức Thế Tôn thị hiện ở nơi nhân gian này, tuy báo thân của Ngài có đến, đi, ngồi và nằm nhưng pháp thân của Đức Như Lai sẽ không sinh khởi khái niệm đến, đi, ngồi và nằm.

31

LÝ SỰ VÔ NGẠI

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần, Thầy nghĩ sao, các vi trần ấy có nhiều không?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Quá nhiều, bạch Thế Tôn!

Nếu các vi trần ấy là thật có, Thế Tôn đã chẳng nói là các vi trần.

Tại sao? Phật nói các vi trần tức chẳng phải vi trần, nên gọi là vi trần.

Giải nghĩa

"Vi trần" ở đây chỉ cho vọng niệm nhỏ nhiệm tập khởi trong tâm của mỗi chúng sinh. Nếu tâm nhận biết được như thật vọng niệm thì tâm này

chính là tâm vô lậu, chứ không phải là tâm hữu lậu (vọng niệm).

Chánh văn

Bạch Thế Tôn! Ba ngàn đại thiên thế giới, Như Lai nói tức chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới.

Giải nghĩa

Bậc thánh giả an trú trong trí vô lậu tu tập, đoạn trừ hoàn toàn vọng niệm nên đạt được trí vô lậu rỗng lặng. Từ đó, bậc thánh giả sống trong trí vô lậu nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới nên sẽ không sinh khởi khái niệm là ba ngàn đại thiên thế giới.

Cũng vậy, Đức Thế Tôn và các vị đại Bồ-tát do sống trong pháp thân vô lậu nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới nên sẽ không sinh khởi ý niệm là ba ngàn đại thiên thế giới. Cho nên, trong Kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: *"Ngài A-na-luật thấy cõi Diêm Phù Đề như xem trái Yêm Ma Lam để trong bàn tay. Các vị Bồ-tát, v.v... nhìn thấy cả trăm ngàn thế giới, mười phương Như Lai đều thấy cùng tận*

các cõi nước thanh tịnh như vô số vi trần không sót chỗ nào; còn chúng sinh xem thấy không quá gang tấc".

Chánh văn

Tại sao? Nếu thế giới thật có thì đó chỉ là tướng hợp nhất. Như Lai nói tướng hợp nhất tức chẳng phải tướng hợp nhất, nên gọi là tướng hợp nhất.

Này Tu Bồ Đề! Tướng hợp nhất là chân lý không thể dùng ngôn ngữ giảng nói, nhưng kẻ phàm phu lại tham đắm vào sự tướng.

Giải nghĩa

Trí hữu lậu mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, tức tham đắm vào sự tướng. Còn trí vô lậu sẽ không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, tức không tham đắm vào sự tướng. Vì vậy, các bậc đại Bồ-tát sống với trí vô lậu nhìn thấy thế giới chỉ là một tướng hợp nhất, nên ở trong trí ấy không sinh khởi khái niệm là tướng hợp nhất. Trí này là chân lý cần phải chứng nghiệm, chứ không thể dùng ngôn ngữ khái niệm

mà có thể hiểu được. Với ý nghĩa này, trong 33 bài kệ truyền pháp của các bậc Tổ sư Ấn-Hoa, Tổ Bà Tu Mật đã truyền lại cho tổ Phật Đà Nan Đề bài kệ:

"Tâm đồng hư không giới,
Chỉ pháp bằng thái hư.
Khi chứng được hư không,
Không pháp, không phi pháp".

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ *dịch*)

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Bởi tâm này là không, vô tướng, vô tác nên rộng lớn như hư không. Do đó, các bậc thánh nhân sống với tâm vô lậu rộng lớn như hư không nhìn thấy thế giới chỉ là một tướng hợp nhất, nên ở trong tâm ấy không sinh khởi khái niệm là tướng hợp nhất.

32

TRI KIẾN KHÔNG SINH

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có ai bảo rằng, Như Lai có nói cái thấy về ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả. Này Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ sao? Người ấy có hiểu được ý nghĩa lời nói của Như Lai không?

Bạch Thế Tôn! Không. Người ấy không hiểu ý nghĩa lời nói của Như Lai.

Tại sao? Như Lai nói cái thấy về ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả tức chẳng phải là cái thấy về ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng (giả), nên mới gọi là cái thấy về ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả.

Giải nghĩa

Đoạn trước Đức Thế Tôn nói về bốn tướng, đoạn này Ngài nói về bốn kiến. Bởi vì chấp thủ

bốn tướng là thuộc về chấp ngã phân biệt. Còn chấp thủ bốn kiến là thuộc về câu sinh ngã chấp. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được bốn tướng thuộc về chấp ngã phân biệt. Rồi từ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ bốn thứ kiến chấp thuộc về chấp ngã câu sinh nhằm thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, A-na-hàm và cho đến A-la-hán. Bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ hoàn toàn bốn thứ kiến chấp thuộc về chấp ngã câu sinh (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn.

Chính ý nghĩa như trên, trong Kinh *Viên Giác*, Đức Phật dạy bốn tướng như sau:

"Thế nào là ngã tướng? Tâm còn có sở chứng gọi là ngã tướng.

Thế nào là nhân tướng? Tâm còn có một chút ngộ cho rằng chứng lý đầy đủ đều gọi là nhân tướng.

Thế nào là tướng chúng sinh? Tâm còn có sở liễu gọi là chúng sinh tướng.

Thế nào là tướng thọ mạng? Tâm chiếu thanh tịnh đã giác được cái sở liễu gọi là tướng thọ mạng" (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì đối với tất cả pháp phải biết như vậy, tin như vậy, hiểu như vậy, không nên sinh khởi ý tưởng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai nói pháp tướng tức chẳng phải pháp tướng, nên gọi là pháp tướng.

Giải nghĩa

Đức Phật dạy những người thiện nam hay thiện nữ nào muốn thành tựu được tứ thánh quả cho đến quả vị Phật thì cần phải sống trong tâm vô lậu để tu tập và làm tất cả các thiện pháp.

Do các vị Bồ-tát sống trong tâm vô lậu để tu tập và giáo hóa chúng sinh nên ở trong tâm ấy không sinh khởi khái niệm về các pháp.

33

TRÍ TUỆ VÔ LẬU

Chánh văn

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy thứ báu chất đầy vô lượng vô số thế giới để bố thí; và nếu có thiện nam hay thiện nữ phát tâm Bồ-tát, thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác giảng nói, cho dù chỉ bốn câu kệ thì phước đức của người này hơn người trước.

Sao gọi là vì người diễn nói? Bằng cách bất động đúng như chân như, không mắc kẹt ý tưởng.

Giải nghĩa

Nếu có người sống với trí hữu lậu để đem bố thí bảy thứ châu báu (tài thí) đầy cả vô số vô lượng thế giới thì phước đức thật không thể nghĩ bàn. Còn nếu có thiện nam hay thiện nữ nào kiến đạo

tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu để tu tập đạt được vô ngã, tức sống trong chân như bất động. Từ đó, các Ngài y vào kinh điển của Đức Phật, cho dù chỉ dùng một bài kệ để giảng dạy cho người khác tu tập cũng được kiến đạo (pháp thí), thì phước đức của người này lớn hơn phước đức của người trước.

Chánh văn

Tại sao? Bởi các pháp hữu vi như giấc mộng, như ảo hoá, như bọt nước, như bóng hình, như sương mai, như điện chớp, hãy quán chiếu như vậy.

Giải nghĩa

Bởi vì các pháp hữu vi là pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành nên chúng vô thường và phi ngã. Còn pháp vô vi – vô lậu (trí vô lậu) là pháp phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta phải an trú trong trí vô lậu tu tập nhận biết các pháp hữu vi ví như giấc mộng, ảo hóa, bọt nước, bóng hình, sương mai,

điện chớp... để đạt đến tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Đức Phật nói kinh này xong, trưởng lão Tu Bồ Đề cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian được nghe những lời Đức Thế Tôn dạy đều rất hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận và cung kính hành trì.

BÁT NHÃ TÂM KINH

GIẢI NGHĨA

1

KHÁI QUÁT VỀ BÁT NHÃ TÂM KINH

Bát Nhã Tâm Kinh là bản Kinh tinh yếu thuộc truyền thống Phật giáo Đại Thừa. Cho nên, chư Tăng Ni và Phật tử thuộc truyền thống Đại Thừa đều tụng đọc bản kinh này. Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh đã được đưa vào tụng đọc trong các thời khóa công phu ở các chùa, tự viện.

Bát Nhã Tâm Kinh mà chúng ta đọc tụng hiện nay, tuy chỉ có 260 chữ nhưng lại tóm thâu toàn bộ nội dung chính yếu của 720 quyển thuộc hệ thống Đại Bát Nhã. Với sự toàn bích đó, Bát Nhã Tâm Kinh chứa đựng nội dung và ý nghĩa hết sức thâm sâu, vì thế xưa nay, hành giả không hề dễ dàng để thâm nhập được trọn vẹn nghĩa lý của kinh này.

Khi người viết tham cứu các bản chú giải về Bát Nhã Tâm Kinh, phần nhiều các Ngài thường

giải thích "tánh không của Bát-nhã" là tánh không của hư không, tánh không của miệng, tánh không của mũi. Hoặc năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên không có một tự ngã hay chủ tể, gọi là không.

Trong Kinh *Pháp Bảo Đàn* của ngài Lục Tổ Huệ Năng, ở phẩm "Bát Nhã" đã đề cập đến nghĩa lý "tánh không" của Bát-nhã là "tánh không" của trí vô lậu. Với *Tâm Kinh Giảng Lục* (Đặng Hữu Trí dịch), Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên cũng kiến giải về "tánh không" trong Bát Nhã Tâm Kinh là tánh không rỗng lặng của Phật tánh, chân như, pháp thân và tánh giác... Đúng như bài kệ mà Ngài thốt lên khi ngộ đạo vào năm 22 tuổi:

"Xưa nay không Phật không chúng sanh
Thế giới chưa từng thấy một anh
Rốt ráo liễu giải là cái ấy
Tự tánh lại là tự kỷ sanh".

(Trích Tâm Kinh Giảng Lục
***Đặng Hữu Trí** dịch)*

Cũng như Lục Tổ Huệ Năng, ngài Nguyệt Khê đã để lại nhục thân, minh định cho một đời tu rốt ráo, học rộng hạnh cao, niềm tin đầy đủ để truyền đời. Tác phẩm của hai vị thiền sư cách nhau gần mười ba thế kỷ song hoàn toàn giống nhau về mặt nội dung và ý nghĩa nên người viết y cứ vào những giảng giải đó để trình bày rõ thêm về nghĩa lý của Bát Nhã Tâm Kinh. Hẳn nhiên, ở nội dung này, người viết hoàn toàn không ra ngoài tinh yếu của những lời trên.

Từ sự thao thức trong tu học, dù hiểu biết còn hạn hẹp, người viết hầu mong chia sẻ đôi lời về ý nghĩa của Bát Nhã Tâm Kinh. Hy vọng rằng với những chia sẻ, trao đổi này sẽ là món quà tu học để dâng tặng những người bạn đồng tu, các học trò thân quý và các Phật tử gần xa hữu duyên.

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Hán văn

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.

Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệc vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố,

vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

Việt dịch

Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều không, nên Ngài liền vượt qua tất cả khổ ách.

Này Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác gì tánh không (Bát-nhã), tánh không chẳng khác gì sắc; sắc chính là tánh không, tánh không chính là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng là như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Cho nên trong Tánh Không, nó (Bát-nhã) không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có sự đoạn trừ vô minh; cho đến không có già chết cũng không có sự đoạn trừ già chết; không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; không có trí cũng không có chứng đắc.

Vì không có chứng đắc, Bồ-tát sống với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên tâm không chướng ngại. Vì tâm không có chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi điên đảo, mộng tưởng, đạt Niết-bàn tuyệt đối.

Chư Phật trong ba đời sống đúng như Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa (trí vô lậu) là thần chú vĩ đại, là minh chú vĩ đại, là thần chú tối thượng, là thần chú không thể so sánh bằng, chấm dứt mọi khổ đau, chân thật không hư vọng.

Vì vậy nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền nói chú rằng:

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

(Bản Việt dịch này tuy có chỉnh sửa một số từ ngữ nhưng chủ yếu sử dụng bản Việt dịch của Hòa Thượng Thích Thái Hòa. Trong đó, người viết chỉ dịch câu: *"Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.")*

2

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA NHAN ĐỀ TÂM KINH

Ma-ha: Nghĩa là lớn.

Bát-nhã: Là trí vô lậu, Bát-nhã gồm có ba giai đoạn: Văn tự Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và thực tướng Bát-nhã.

2.1. Văn tự Bát-nhã

Văn tự Bát-nhã nghĩa là sự tụng đọc hay nghe giảng về ngôn ngữ của Bát-nhã.

Đức Phật sử dụng ngôn ngữ để chỉ dạy rằng tất cả chúng sinh đều có sẵn trí Bát-nhã (chánh kiến vô lậu). Điều này được Đức Thế Tôn tuyên thuyết qua các kinh như bốn bộ *A-hàm*, năm bộ *Nikaya*, Kinh *Kim Cương*, Kinh *Lăng Nghiêm*, Kinh *Pháp Hoa*, Kinh *Duy Ma Cật*,... đó gọi là văn tự Bát-nhã.

2.2. Quán chiếu Bát-nhã

Trong Kinh *Pháp Bảo Đàn*, phẩm "Bát Nhã", ngài Lục Tổ dạy: *"Hãy dùng trí (Bát-nhã) để đập phá ngũ uẩn"*. Trí (Bát-nhã) này là trí vô lậu. Vì vậy, chúng ta phải bắt đầu từ văn tự Bát-nhã, rồi từ đó mới đi tới việc quán chiếu Bát-nhã. Trong giai đoạn quán chiếu Bát-nhã, hành giả cần phải lãnh hội được trí vô lậu tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn.

Trong Kinh *Pháp Bảo Đàn*, phẩm "Bát Nhã", ngài Lục Tổ nhấn mạnh: *"Bát-nhã là trí tuệ. Tất cả chỗ, tất cả thời, mỗi niệm không ngu, thường thực hành trí tuệ là Bát-nhã hạnh. Một niệm ngu tức là Bát-nhã bặt, một niệm trí tuệ là Bát-nhã sinh"*. Vì vậy, chúng ta phải an trú nơi trí vô lậu (Bát-nhã) nhận biết như thật năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã để điều phục, đoạn trừ chúng (năm thủ uẩn). Đây chính là quán chiếu của Bát-nhã (trí vô lậu).

2.3. Thực tướng Bát-nhã

Có một vị hỏi thiền sư Tuệ Hải rằng: Bát-nhã lớn chăng?

Ngài đáp: Lớn.

Vị thầy lại hỏi: Lớn bằng chừng nào? Ngài đáp: Không có ngằn mé.

Vị thầy lại hỏi: Bát-nhã nhỏ chăng? Ngài đáp: Nhỏ.

Vị thầy lại hỏi: Nhỏ bằng chừng nào? Ngài đáp: Xem chẳng thấy.

Vị thầy lại hỏi: Chỗ nào là Bát-nhã? Ngài đáp: Chỗ nào chẳng phải Bát-nhã. (Thiền sư Tuệ Hải - Đại Châu, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Thực tướng của Bát-nhã (trí vô lậu) là không, vô tướng, vô tác nên mới là thực tướng. Chính thực tướng Bát-nhã (trí vô lậu) là không, vô tướng, vô tác nên xa lìa hết tướng hư vọng sinh diệt của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Để thành tựu được trí này (thực tướng của Bát-nhã), hành giả cần phải đi từ giai đoạn văn tự Bát-nhã cho đến quán chiếu Bát-nhã, rồi từ đó mới thể nhập được trong thực

tướng Bát-nhã. Nghĩa là, hành giả cần lãnh hội trí vô lậu và an trú nơi trí này tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên chứng nghiệm được thực tướng của Bát-nhã (Niết-bàn).

Trong Kinh *Lăng Nghiêm*, phẩm "Nhĩ căn viên thông", Bồ-tát Quan Thế Âm dạy: *"Năng giác, sở giác đều tiêu; năng không, sở không đều diệt thì mới đạt được cái không giác tột cùng"*. Nghĩa là, chúng ta muốn đạt được cái *"không giác tột cùng"* thì phải đoạn trừ năng giác và sở giác, năng không và sở không. Cái *"không giác tột cùng"* này chính là thực tướng rỗng lặng không sinh không diệt của Bát-nhã.

Ba-la-mật-đa: Gồm có bốn nghĩa.

Đáo bỉ ngạn: Nghĩa là đến bờ bên kia. Bờ bên này là dụ cho sinh tử, bờ bên kia là dụ cho Niết-bàn.

Độ vô cực: Do an trú trong trí tuệ (Bát-nhã) tu tập đoạn trừ hoàn toàn năm thủ uẩn nên đạt Niết-bàn.

Viễn ly: Do an trú trong trí tuệ (Bát-nhã) tu tập đoạn trừ hoàn toàn tướng hư vọng sinh diệt của năm thủ uẩn nên đạt Niết-bàn.

Cứu cánh: Do an trú nơi trí tuệ (Bát-nhã) tu tập đoạn trừ khổ đế - tập đế nên đạt được thực tướng của Bát-nhã hay Niết-bàn.

Tâm: Là tâm yếu, tinh yếu hay là tâm vô lậu.

Kinh: Lời dạy của Đức Phật.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa chính là trí vô lậu (hay tâm vô lậu). Vì trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Trí này là không, vô tướng, vô tác nên là Ma-ha, là Bát-nhã, là Ba-la-mật-đa. Vì vậy, trong Kinh *Pháp Bảo Đàn*, ở phẩm *"Bát Nhã"*, ngài Lục Tổ dạy: *"Nếu thấy tất cả người ác, người lành mà tâm không chấp, không bỏ, không nhiễm trước, tâm như hư không nên nói là Ma-ha"*.

3

GIẢI THÍCH NỘI DUNG VĂN KINH

3.1. Nhân tu – quả thành tựu

Hán văn:

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Việt dịch:

Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều không, nên Ngài liền vượt qua tất cả khổ ách.

Lược giải từ ngữ:

Bồ-tát Quán Tự Tại hay Bồ-tát Quán Thế Âm là một bậc đại Bồ-tát. Nếu y cứ vào kinh *Thủ Lăng Nghiêm,* thì trong đoạn kinh *Nhĩ Căn Viên Thông*

của kinh có đề cập đến danh hiệu Quán Thế Âm như sau: "*Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, con nhớ vô số hằng hà sa kiếp về trước có Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm".*

Trí gồm có trí hữu lậu và trí vô lậu. Bát-nhã là trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên định – tuệ đồng thời. Điều này có nghĩa là tâm nhận biết như thật tất cả pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ,… gọi là tuệ; nhưng ở nơi các pháp ấy không sinh khởi vọng niệm, gọi là định. Hoặc trí vô lậu chính là tâm vô lậu. Tâm vô lậu thường rỗng lặng gọi là định; ở trong tâm này lại có trí nhận biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ,… gọi là tuệ.

Ba-la-mật-đa: Có bốn nghĩa như đã giải thích ở trên.

Khổ ách: Là khổ đế và tập đế.

Năm uẩn: Uẩn là sự tập hợp, nhóm hợp. Năm uẩn là năm tập hợp hình thành thân và tâm của

một chúng sinh gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Sắc uẩn: Là yếu tố vật chất gồm địa, thủy, hỏa, phong (tứ đại).

Thọ uẩn: Thọ là nhóm cảm giác gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ (đó là cảm giác không vui không khổ).

Tưởng uẩn: "Tưởng, nắm bắt tín hiệu. Sự nắm bắt các tín hiệu xanh, vàng, dài, ngắn, nam, nữ, khổ và phi khổ các thứ, đó là tưởng uẩn. (Câu-xá luận)

"Tưởng, tự tính của nó là tiếp thu ảnh tượng nơi đối tượng. Chức năng của nó là quy ước các loại danh ngôn khác nhau. Nghĩa là, cần phải ấn định hình thái giới hạn của đối tượng mới có thể tùy theo đó phát khởi các danh ngôn khác nhau" (Luận Thành Duy Thức).

Hành uẩn: "Này các Tỳ-kheo thế nào là hành? Có sáu tư thân: tư sắc, tư thanh, tư hương, tư vị, tư xúc và tư pháp. Đây gọi là hành" (Kinh *Tương Ưng Bộ*).

Tư chính là động lực quyết định, là ý muốn để dẫn tâm theo hướng thiện, hay bất thiện.

Tư gồm có thẩm tư lự, quyết định tư và phát động bởi tư.

Tư chính là hành. Hành uẩn chính là các tâm hành thiện và bất thiện tạo tác nghiệp để dẫn đến quả báo của nghiệp.

Hành uẩn là những tâm hành thuộc tâm sở. Duy thức chia thành 51 tâm sở gồm cả thọ và tưởng.

Trong *Trung A-hàm*, *Kinh Đại Câu-Hy-La*, số 211, Tôn giả Đại Câu-Hy-La dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt như sau: "*Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.*"

Thức uẩn: Theo *Duy Thức*, thức có tám loại: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức,

ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám. Thức là nền tảng của thọ, tưởng và hành. Thức là tâm vương, còn thọ, tưởng, hành là tâm sở. Tâm vương và tâm sở được ví như mặt trời và ánh sáng. Tâm vương ví cho mặt trời, còn tâm sở ví cho ánh sáng.

Chính vì vậy, khi đối chiếu đoạn kinh văn này với giáo lý Tứ thánh đế thì chúng ta hiểu rằng: năm thủ uẩn là khổ đế -tập đế; thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nghĩa là đạo đế vô lậu (chánh kiến vô lậu); soi thấy năm uẩn đều không ở đây chính là Bồ-tát sống trong Diệt đế (Niết-bàn).

Giải thích nội dung:

Theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả thì các bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) vẫn chưa đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có bậc thánh A-la-hán mới đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên đạt được Niết-bàn. Y cứ vào lộ trình tu chứng của tứ thánh quả như vậy thì chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa của đoạn văn kinh trên đó là: Bồ-tát Quán Tự Tại sống trong

trí vô lậu tu tập (nhân) đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của ngũ uẩn nên đạt được Niết-bàn (quả). Ngài sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy soi thấy hoàn toàn không có sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Hay Bồ-tát Quán Thế Âm sống trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên chứng được Niết-bàn. Ngài sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy soi thấy hoàn toàn không có sự tập khởi của năm thủ uẩn.

Đối sánh đoạn văn kinh với giáo lý và các kinh văn khác:

Với giáo lý Tứ Thánh Đế:

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế và tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bậc thánh giả sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy soi thấy hoàn toàn không có sự sinh diệt của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế).

Với giáo lý mười hai nhân duyên:

Khi hành giả lãnh hội được tâm minh (chánh kiến vô lậu) và an trú trong tâm minh tu tập để đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của vô minh, ái, thủ và hữu nên đạt được minh. Bậc thánh giả an trú trong tâm minh nên ở trong ấy soi thấy hoàn toàn không có sự tập khởi của vô minh (khổ đế, tập đế).

Với kinh Vô thường (Pali, S.22.12-14. Aniccam)

Hành giả an trú trong trí vô lậu tu tập nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được chúng. Khi năm thủ uẩn được đoạn trừ hoàn toàn nên đạt được Niết-bàn. Bậc thánh giả sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy soi thấy hoàn toàn không có sự sinh diệt của năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế).

Với nội dung các kinh số 84, 468, 480 trong Trung A-hàm

Hành giả an trú trong trí vô lậu để quán sát ba thọ nên đoạn trừ được ba thọ. Đó là đoạn trừ ba thọ ở nơi sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành

và thức. Khi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) được đoạn trừ hoàn toàn nên đạt được Niết-bàn. Bậc thánh giả sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy soi thấy hoàn toàn không có sự sinh diệt của năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế).

Với phẩm "Khách chủ" trong kinh Lăng Nghiêm

Hành giả lãnh hội được tâm chủ (chân tâm) và an trú trong tâm chủ này để tu tập đoạn trừ hoàn toàn tâm khách (vọng tâm) nên đạt được tâm chủ. Bậc thánh giả an trú trong tâm chủ nên ở trong tâm ấy quán sát hoàn toàn không có sự tập khởi của tâm khách (khổ đế, tập đế).

Trích từ kinh Kim Cang

Đức Phật dạy Tu Bồ Đề rằng:

Các Bồ-tát đại sĩ phải hàng phục tâm của mình như thế này: "Có tất cả bao nhiêu chúng sinh, nào sinh ra từ trứng, hoặc sinh ra từ thai, hoặc sinh ra từ ẩm thấp, hoặc sinh ra từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, ta đều khiến nhập

Niết-bàn vô dư, mà diệt độ chúng. Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như vậy đó mà thực không thấy có chúng sinh nào được diệt độ".

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy các vị Bồ-tát lớn cần an trú trong Bát-nhã Ba La Mật (trí vô lậu) tu tập để đoạn trừ tất cả chúng sinh tâm (sự tập khởi của năm thủ uẩn) nên đạt được Niết-bàn. Bồ-tát sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy quán chiếu hoàn toàn không thấy có sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế).

3.2. Con đường thể nhận trí vô lậu

Hán văn:

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Việt dịch:

Này Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác gì tánh không (Bát-nhã), tánh không chẳng khác gì sắc; sắc chính

là tánh không, tánh không chính là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng là như vậy.

Lược giải từ ngữ:

Sắc gồm có mười một loại: năm căn, năm trần và pháp trần.

Tánh không: tánh không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã (trí vô lậu hay đạo đế vô lậu).

"Chẳng khác" ở đây là chỉ cho trí vô lậu. Trí này sẽ không sinh khởi khái niệm đây là trí vô lậu và kia là năm thủ uẩn.

"Khác" ở đây là chỉ cho trí hữu lậu nên mới sinh khởi khái niệm đây là trí và kia là năm thủ uẩn.

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy "*tánh thấy không khác*" cho vua Ba-tư-nặc rằng:

"Đại vương, như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông Hằng, đến mười ba tuổi cái thấy nước sông ấy thế nào?

Vua thưa: Như khi ba tuổi rõ ràng không khác và cho đến nay con sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn không khác.

Phật bảo: Nay ông tự cảm thương tóc bạc mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy của ông hiện nay xem thấy sông Hằng, cùng với khi xưa còn trẻ xem thấy sông Hằng, cái thấy đó có già có trẻ chăng?

Vua thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy.

Phật bảo: Đại vương, mặt ông tuy nhăn, mà tánh thấy này chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái chẳng bị nhăn thì không biến đổi. Cái biến đổi thì phải chịu hoại diệt, cái chẳng biến đổi kia vốn không sinh diệt".

Giải thích nội dung:

Nếu phân tích ý nghĩa đoạn văn kinh này thông qua giáo pháp của Bốn Thánh Đế thì chúng ta sẽ hiểu rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) là khổ đế - tập đế. "Tánh không" của Bát-nhã chính là diệt đế - đạo đế vô lậu. Vì vậy, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại và

thời vị lai đều do lãnh hội chánh kiến vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Cho nên, Bồ-tát Quán Thế Âm mới dạy cho Ngài Xá-lợi-phất và tất cả hành giả tu tập muốn lãnh hội trí vô lậu (Bát-nhã) thì phải ngay nơi sáu căn tiếp xúc với sáu trần để lãnh hội trí này (Bát-nhã). Hoặc ngay nơi sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) để lãnh hội trí vô lậu (chánh kiến vô lậu).

Làm thế nào để chúng ta lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) này? Đó là khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Hoặc năm thủ uẩn tập khởi như thế nào thì chúng ta chỉ nhận biết chúng đang tập khởi đúng như thế ấy (trong cái biết chỉ là cái nhận biết). Đây chính là trí Bát-nhã (trí vô lậu).

Khi lãnh hội được trí vô lậu, rồi chúng ta an trụ trong trí vô lậu tu tập nhận biết năm thủ uẩn chẳng khác gì với trí vô lậu (không sinh khởi

khái niệm) và trí vô lậu chẳng khác (không sinh khởi khái niệm) với sự tập khởi của năm thủ uẩn; ngay nơi sự tập khởi của năm thủ uẩn mà an trụ trong trí vô lậu và luôn an trú trong trí vô lậu để nhận biết như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn. Đó là ý nghĩa của đoạn văn kinh 'sắc, thọ, tưởng, hành và thức chẳng khác gì tánh không (trí vô lậu). Tánh không chẳng khác gì sắc, thọ, tưởng, hành và thức; sắc, thọ, tưởng, hành và thức chính là tánh không (trí vô lậu); tánh không chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.'

Trong *Triệu Luận*, phẩm "Bát-nhã vô tri", ngài Tăng Triệu nói: *"Sự linh động nhiệm mầu của Bát-nhã là căn bản cùng cực của tam thừa. Kỳ thật, chơn tâm bất nhị chẳng có sai biệt. Sự chiếu dụng của Bát-nhã không cần tác ý cho nên chơn tâm của bậc thánh trống rỗng trong sạch chừng nào, thì sự chiếu dụng đầy đủ chừng ấy, do đó suốt ngày tri mà như chưa từng tri vậy. Cái dụng của Bát-nhã chơn thật mà bản thể trống rỗng, bản thể trống rỗng mà sự dụng vẫn chẳng phải không, sự dụng vốn thường còn mà không thể luận bàn nghĩ ngợi, ấy là "Diệu"*

của bậc thánh vậy. Nên Bát-nhã có cái thể trống rỗng mà thường chiếu soi, chơn đế có cái thể tịch diệt mà hiểu biết, vạn vật có thể náo động mà ngay đó thường tịch, sự ứng cơ của bậc thánh có thể trống rỗng mà vẫn làm thành, vậy thì chẳng biết mà tự biết, chẳng làm mà tự làm" (Hòa Thượng Thích Duy Lực dịch).

Để hiểu rõ thêm ý nghĩa trên, chúng ta có thể tham khảo công án khi ngài Triệu Châu chỉ vào lửa và dạy cho vị thị giả rằng: *"Đây là lửa nhưng con đừng gọi là lửa, ta đã dạy cho con xong. Con có lãnh hội lời ta dạy không?" Người thị giả vẫn không lãnh hội được cho nên ngài đến gắp lửa đưa lên rồi tiếp tục hỏi thị giả: "Con có lãnh hội không?"*

Đây là sắc, thọ, tưởng, hành và thức nhưng đừng gọi (không khởi lên khái niệm) tên sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức chính là trí Bát-nhã. Đó là sắc chẳng khác gì tánh không, tánh không chẳng khác gì sắc; thọ, tưởng hành và thức cũng lại như vậy.

Như vậy, "Tánh không" ở đây là chỉ cho tánh không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã.

Tánh không của Bát-nhã chính là đạo đế vô lậu. Đạo đế vô lậu chính là tâm vô lậu. Vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên tất cả chỗ đều không tâm; vì tất cả chỗ đều không tâm nên không có chỗ trụ; vì không có chỗ trụ nên năm thủ uẩn chẳng khác gì với tâm vô lậu và tâm vô lậu chẳng khác gì với năm thủ uẩn.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được trí vô lậu thì đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Từ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trú trong trí vô lậu tu tập để làm mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu thánh quả Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục sống trong trí vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt thánh quả A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục sống với trí vô lậu để tu tập đoạn tận hoàn toàn năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị

A-la-hán (Niết-bàn). Vì bậc thánh A-la-hán sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy soi thấy không có sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế).

3.3. Thể của trí vô lậu

Hán văn:

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.

Việt dịch:

Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Giải thích nội dung:

Trong bài pháp thoại *"Bổ túc Kinh Bát Nhã"* (Thiền viện Trúc Lâm, ngày 29 tháng 12 năm 2003), Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã giảng giải, bổ túc ý nghĩa của bản kinh này, trong đó, ở câu kinh: *"Thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm"*. Hòa Thượng dạy: *"Ý nghĩa của đoạn văn kinh này là chỉ cho pháp thân bất sinh bất diệt. Kiến giải này là kiến giải cuối cùng của tôi"*.

"Pháp không tướng của Bát-nhã" chính là trí vô lậu (đạo đế vô lậu). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt và không sinh khởi khái niệm dơ, sạch, thêm, bớt. Bài kệ của Đức Phật trao cho ngài Ca Diếp, và lời kiến giải trong bài kệ của ngài Lục Tổ cùng nói về nội dung này:

"Pháp gốc pháp không pháp,
Pháp không pháp cũng pháp.
Nay khi trao không pháp,
Mỗi pháp đâu từng pháp".

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ *dịch*)

"Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi nhơ".

(Kinh *Pháp Bảo Đàn*,
Hòa Thượng Thích Thanh Từ *dịch*)

Cả hai bài kệ đều mô tả về "không pháp". "Không pháp" ở đây chính là tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này không, vô tướng, vô tác nên không có một vật. Vì tâm này không có một vật nên chẳng sinh chẳng diệt, không sinh khởi khái niệm dơ, sạch, thêm và bớt.

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, kinh số 06, phẩm số 45, Đức Thế Tôn đã tán thán ngài Xá-lợi-phất và chỉ dạy cho chúng ta về ý nghĩa của "không pháp" này:

"Một thời, ngài Xá-lợi-phất đến thăm đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thấy nhan sắc của ngài Xá-lợi-phất tươi nhuận nên đức Thế Tôn hỏi: Thầy do an trú tam muội (định) nào mà được nhan sắc tươi nhuận như thế?

Ngài Xá-lợi-phất thưa với đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, con do an trú không tam muội mà được nhan sắc tươi nhuận như thế này!

Đức Phật dạy: Không tam muội là tối thượng, là vua tất cả tam muội. Do đạt được không tam muội mà đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng,

chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Vì đạt được không tam muội nên đoạn trừ bốn tướng như thế cho nên cũng đạt được vô nguyện tam muội (vô tác) và vô tướng tam muội.

Đức Phật dạy tiếp: "Tất cả chúng sinh trôi nổi trong sinh tử mãi mà không có thời điểm kết thúc là do không đạt được không tam muội. Ta do đạt được không tam muội này nên thành Vô Thượng Chánh Đẳng Giác".

Cũng vậy, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Na-già-đạt-đa (2)*, số 567, trưởng giả Chất-đa-la nói: *"Tham là có lượng. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không có ngã, không có ngã sở."*

Cũng như trong Kinh *Duy Ma Cật*, phẩm "Bất Nhị", Bồ-tát Thâm Huệ nói rằng: *"Đây là không, đây là vô tướng, đây là vô tác, là hai. Nhưng không tức là vô tướng, vô tướng tức là vô tác.*

Không, vô tướng, vô tác tức là không tâm, không ý, không thức. Ở trong một giải thoát môn cũng chính cả ba giải thoát môn. Đó là vào cửa pháp môn bất nhị" (Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ *dịch*).

3.4. Trí vô lậu không có sự sanh diệt của pháp hữu vi – hữu lậu

Hán văn:

Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệc vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Việt dịch:

Cho nên trong Tánh không, nó (Bát-nhã) không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có sự đoạn trừ vô minh; cho đến không có già chết cũng không có sự đoạn trừ

già chết; không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; không có trí cũng không có chứng đắc.

Lược giải từ ngữ:

Tánh không chính là tánh không của Bát-nhã.

Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Sáu căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn.

Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Mười tám giới là sáu căn, sáu trần và sáu thức. Đó là sáu giới hạn thuộc về căn, sáu giới hạn thuộc về trần, sáu giới hạn thuộc về thức.

Giới là khu vực giới hạn hay thế giới. Pháp mười hai duyên khởi là vô minh, hành, thức, danh sắc… lão-tử.

Tứ Thánh Đế là khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Giải thích nội dung:

Tánh không của Bát-nhã chính là trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi trí này là không, vô tướng và vô tác

nên trong tánh không này không có năm uẩn, sáu căn, sáu trần, mười tám giới, mười hai nhân duyên, khổ đế, tập đế.

Trí vô lậu chính là diệt đế - đạo đế vô lậu. Vì trí này là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm diệt đế - đạo đế vô lậu, chứ không phải không có diệt đế - đạo đế vô lậu. Vì vậy, Kinh nói: "không có diệt đế và đạo đế" là có ý nghĩa như thế.

"Tánh không" của Bát-nhã chính là trí vô lậu. Vì trí này là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu, chứ không phải không có trí (Bát-nhã) này. Vì thế, kinh nói: "không có trí" là có ý nghĩa như vậy.

Vì "tánh không" của Bát-nhã (trí vô lậu) là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không có chứng đắc, chứ không phải không có chứng đắc

trí này. Do đó, kinh nói: "không có chứng đắc" là có ý nghĩa như vậy.

Trong Kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy ý nghĩa thâm sâu này: *"Này Văn Thù, nay tôi hỏi ông, như ông là Văn Thù, lại có Văn Thù phải là Văn Thù hay không phải Văn Thù?*

Đúng như thế bạch đức Thế Tôn! Con nay thật là Văn Thù, không có phải là Văn Thù. Vì sao? Vì nếu có phải là Văn Thù thì có hai Văn Thù. Con hiện nay chẳng phải là không Văn Thù, trong ấy thật không có hai tướng "phải" hay "chẳng phải"."

Bát-nhã chính là trí vô lậu. Bởi vì trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu (phải) hay không phải trí vô lậu (chẳng phải). Cho nên, kinh nói: *"không có trí cũng không có chứng đắc"* là có ý nghĩa như thế.

3.5. Niết-bàn của Bồ-tát và Niết-bàn của chư Phật

Hán văn:

Dĩ vô sở đắc cố, bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề.

Việt dịch:

Vì không có chứng đắc, Bồ-tát sống với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên tâm không chướng ngại. Vì tâm không có chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi điên đảo, mộng tưởng, đạt Niết-bàn tuyệt đối.

Chư Phật trong ba đời sống đúng như Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lược giải từ ngữ:

"Vì không có chứng đắc" là chỉ cho trí vô lậu (Bát-nhã). Trí này là trí phi nhân duyên nên không,

vô tướng, vô tác. Bởi trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm có chứng đắc.

"*Điên đảo, mộng tưởng*" là chỉ cho khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn).

Niết-bàn chính là sự vắng mặt hoàn toàn khổ đế và tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn).

Niết-bàn còn được gọi với nhiều danh từ như: Tịch diệt, Viên tịch, vô lậu, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân v.v…

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: "*Vô lậu là Niết bàn.*"

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về ý nghĩa sai biệt của Niết-bàn có bốn:

"Tự tính Niết-bàn: Tất cả chúng sinh hữu tình vốn sẵn có tự tính Niết-bàn, tức tâm vô lậu.

Niết-bàn hữu dư y, tức chân như đã xuất ly phiền não chướng, tuy còn có sở y của khổ mờ nhạt chưa bị diệt nhưng chướng thì đã vĩnh viễn bị dập tắt, do đó nói là Niết-bàn.

Niết-bàn vô dư y, tức chân như đã xuất ly khổ sinh tử, phiền nào đã hoàn toàn bị diệt tận

không còn, dư y cũng diệt, mọi thứ khổ bị dập tắt, nên được gọi là Niết-bàn.

Niết-bàn vô trụ xứ tức chân như đã xuất ly sở tri chướng nên nói là Niết-bàn.

Hết thảy hữu tình đều có Niết-bàn thứ nhất. Hạng Nhị thừa Vô học có ba Niết-bàn đầu. Duy chỉ nơi đức Phật Thế Tôn mới đầy đủ cả bốn.

Giải thích nội dung:

Theo lộ trình tu chứng thì phải hàng Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn Thừa), Bích Chi Phật (Độc Giác Thừa), Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát Thừa) mới đạt được Niết-bàn. Còn với lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát-địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, bậc thánh A-la-hán và hàng Bồ-tát Bát-địa vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng (pháp chấp) để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10) và cho đến hàng Bồ-tát Đẳng Giác, Diệu Giác (Phật). Duy chỉ có Đức Phật mới đoạn trừ hoàn toàn ngã chấp (phiền não chướng) và pháp

chấp (sở tri chướng). Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Gián Đẳng*, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *"A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú."* Chính ý nghĩa đó, các bậc đại Bồ-tát sống trong trí vô lậu tu tập (đạo đế vô lậu) đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên đạt Niết-bàn. Các Ngài sống trong Niết-bàn nên ở trong đó không sinh khởi khái niệm có chứng đắc, không có sự chướng ngại (phiền não chướng) và cũng không có sự sợ hãi.

Chư Phật ở trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều do đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên thành tựu quả vị Phật.

3.6. Diệu dụng của trí vô lậu

Hán văn:

Cố tri Bát-nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng

đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Việt dịch:

Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thần chú vĩ đại, là minh chú vĩ đại, là thần chú tối thượng, là thần chú không thể so sánh bằng, chấm dứt mọi khổ đau, chân thật không hư vọng.

Giải thích nội dung:

Bát-nhã ba-la-mật-đa (trí vô lậu) được ví như thần chú vĩ đại, minh chú vĩ đại, thần chú tối thượng, thần chú không gì có thể so sánh bằng. Chính Bát-nhã (trí vô lậu) mới điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế. Bởi vì Bát-nhã (trí vô lậu) là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên mới chân thật.

3.7. Khuyến tấn chúng sinh vượt thoát bờ sanh tử

Hán văn:

Cố thuyết Bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

Việt dịch:

Vì vậy nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền nói chú rằng:

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha".

Giải thích nội dung:

Ba la yết đế: Hãy vượt qua mau bờ bên kia!

Ba la tăng yết đế: Hãy vượt qua hẳn bờ bên kia!

Bồ đề tát bà ha: Chào mừng bậc giác ngộ thành công!

(Trích từ bản dịch tiếng Phạn
của Hòa Thượng Thích Thái Hòa)

Bờ bên này chỉ cho sinh tử, bờ bên kia dụ cho Niết-bàn. Hành giả muốn chấm dứt sinh tử khổ đau để đạt được Niết-bàn thì cần phải lãnh hội trí vô lậu (Bát-nhã) tu tập. Vì thế, khi hành giả lãnh hội được trí vô lậu tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt Niết-Bàn. Bởi vì thành tựu Niết-bàn nên bậc thánh giả trở thành bậc giác ngộ thành công. Thành công ở đây là do đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên chấm dứt phần đoạn sinh tử.

3.8. Luận nghĩa Bát-nhã

Nếu luận về nghĩa của trí thì chúng ta vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trong đó, trí hữu lậu gồm trí hữu lậu bất thiện và trí hữu lậu thiện. Trí hữu lậu bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Trí hữu

lậu thiện chính là chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu. Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Vì thế, khi chúng ta an trụ trong trí hữu lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận thức pháp trần thì có tướng (có khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức. Tướng ở đây chính là tướng của trí hữu lậu (tướng của vọng niệm), chứ không phải là tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nghĩa là, chúng ta sẽ không bao giờ nhận thấy được như thật các sắc, nghe được như thật các âm thanh, ngửi được như thật các hương, nếm được như thật các vị, xúc chạm được như thật các vật và nhận biết được như thật pháp trần. Bởi vì, theo sự lý giải trong cuốn *Luận Thành Duy Thức*, khi mỗi tâm vương và tâm sở tập khởi thì chúng tạo thành ba phần hoặc bốn phần. Ba phần là kiến phần, tướng phần và tự chứng phần. Bốn phần là kiến phần, tướng phần, tự chứng phần và chứng tự chứng phần. Từ nơi tự chứng phần sản sinh kiến phần và tướng phần. Rồi chính kiến phần vin đến tướng phần khái niệm chấp làm thực ngã và thực pháp.

Vì thế, cho dù chúng ta có thức hay đang ngủ thì vẫn sống với kiến phần và tướng phần của các nội thức, tức sống trong mộng. Vì vậy, do chúng sinh đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Do đó, sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy phải thọ quả báo khổ đau nơi các cõi khổ. Còn chúng ta sống với tâm chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Cho nên, sau khi xả bỏ báo thân, chúng ta sẽ thọ quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại.

Bát-nhã chính là trí vô lậu. Trí vô lậu chính là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả pháp. Vì vậy, các bậc thánh giả an trụ trong trí vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận biết như thật pháp trần nên không có tướng (không sinh khởi khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết. Vô tướng ở đây

chính là vô tướng của trí vô lậu (hay vô tướng của tâm vô lậu), chứ không phải là vô tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bởi những bậc thánh giả sống với trí vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Do đó, khi hành giả lãnh hội được trí vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn

chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Chính vì thế, các bậc thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác).

KINH KIM CANG và KINH BÁT NHÃ
Giải nghĩa

Tác giả: Thích Thắng Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024)37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc - ThS. Nguyễn Hữu Có**
Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập - Lê Hồng Sơn**
Biên tập viên nhà xuất bản: **Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Sửa bản in:	Châu Nguyễn
Thiết kế bìa:	Hoàn Thanh Tú
Trình bày:	Thu Hằng

Đối tác liên kết
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ
119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238
Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải

Kinh Kim Cang và kinh Bát Nhã giải nghĩa / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 188 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Kinh Kim Cang 3. Kinh Bát Nhã
294.382 - dc23

TOM0014p-CIP

In 300 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn. Địa chỉ: Số 262 Phúc Diễn, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 413-2025/CXBIPH/18-12/TG. Quyết định xuất bản số: 155/QĐ-NXBTG cấp ngày 26 tháng 02 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-941-257-8